

TỔNG CÔNG TY LẮP MÁY VIỆT NAM
CÔNG TY CỔ PHẦN LẮP MÁY - THÍ NGHIỆM CƠ ĐIỆN

BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN

NĂM 2025

Đơn vị báo cáo: Công ty cổ phần Lắp máy – Thí nghiệm cơ điện

NƠI GỬI:

- ỦY BAN CHỨNG KHOÁN NHÀ NƯỚC
- SỞ GIAO DỊCH CHỨNG KHOÁN HÀ NỘI
- TỔNG CÔNG TY LẮP MÁY VIỆT NAM
- LƯU CÔNG TY

	<p>CÔNG TY CỔ PHẦN LẮP MÁY - THÍ NGHIỆM CƠ ĐIỆN <i>Erection Electromechanics Testing Joint Stock Company</i> Số 434-436 Nguyễn Trãi – Phường Đại Mỗ - TP. Hà Nội Tel: 04.35543839 Fax: 04. 35543790 Website: www.emetc.com.vn</p>	
---	--	---

BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN

Tên công ty niêm yết: Công ty Cổ phần Lắp Máy – Thí Nghiệm Cơ Điện
Năm báo cáo: 2025

I. Thông tin chung

1. Thông tin khái quát

- Tên giao dịch: Công ty cổ phần Lắp máy – Thí nghiệm cơ điện
- Tên công ty viết bằng tiếng anh: ERECTION – ELECTROMECHANICS TESTING JOINT STOCK COMPANY.
- Tên công ty viết tắt: EMETC., JSC
- Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số: 0100106458 thay đổi lần thứ 13, cấp ngày 04 tháng 03 năm 2025
- Vốn điều lệ: 15.000.000.000 VNĐ
- Vốn đầu tư của chủ sở hữu: 15.000.000.000 VNĐ
- Địa chỉ: Số 434-436 Đường Nguyễn Trãi, Phường Đại Mỗ, TP. Hà Nội
- Số điện thoại: 024.35543839
- Số Fax: 024.35543790
- Website: www.emetc.vn
- Mã cổ phiếu: LCD

Quá trình hình thành và phát triển

Công ty Cổ phần Lắp máy - Thí Nghiệm Cơ Điện tiền thân là Trung tâm nghiên cứu kinh tế kỹ thuật Lắp máy (sau gọi tắt là Trung tâm) thuộc Tổng Công ty Lắp Máy Việt Nam. Trong suốt quá trình hình thành và phát triển, công ty đã tạo dựng được uy tín lớn trong lĩnh vực xây dựng cơ bản, đặc biệt là trong lĩnh vực chuyên ngành của công ty là dịch vụ kiểm tra không phá hủy và lắp đặt, thí nghiệm điện. Để có được vị trí như ngày hôm nay không phải là điều dễ dàng, đó là kết quả của những nỗ lực không mệt mỏi, của trí tuệ, tinh thần sáng tạo, học hỏi kết hợp với kinh nghiệm và nhiệt huyết của bao thế hệ cán bộ công nhân viên công ty.

Chặng đường hình thành và phát triển của công ty được đánh dấu bằng những mốc thời gian quan trọng:

- Năm 1980: Thành lập trung tâm nghiên cứu kinh tế kỹ thuật Lắp máy

- Năm 1993: Đổi tên thành Xí nghiệp Lắp máy và thí nghiệm cơ điện
- Năm 1996: Đổi tên thành công ty Lắp máy và thí nghiệm cơ điện
- Ngày 08 tháng 01 năm 2004: Bộ Xây Dựng có quyết định số 54 /QĐ-BXD cổ phần hoá Công ty Lắp Máy và Thí Nghiệm Cơ Điện thuộc Tổng Công ty Lắp Máy Việt Nam thành Công ty Cổ Phần lắp máy và thí nghiệm cơ điện với số vốn điều lệ là: 5.600.000.000 đồng; Trong đó vốn nhà nước tại Doanh nghiệp là: 2.903.600.000 đồng (Chiếm 51,85%) và phần vốn góp của các cổ đông là: 2.696.400.000 đồng (Chiếm 48,15%). Công ty cổ phần Lắp máy và Thí Nghiệm Cơ điện đã chính thức đi vào hoạt động từ ngày 05 tháng 03 năm 2004 theo giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 0103003803 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hà Nội cấp.
- Ngày 15 tháng 01 năm 2007: Công ty thay đổi giấy phép đăng ký kinh doanh lần thứ nhất do thay đổi giám đốc và thay đổi người đại diện phần vốn nhà nước tại doanh nghiệp.
- Ngày 04 tháng 07 năm 2007: Công ty thay đổi giấy phép đăng ký kinh doanh lần 2, đổi tên thành Công ty Cổ Phần LILAMA - Thí Nghiệm Cơ Điện và tăng vốn điều lệ lên 13.500.000.000 đồng trong đó vốn nhà nước tại Doanh nghiệp là: 6.999.750.000 đồng (Chiếm 51,85%) và phần vốn góp của các cổ đông là: 6.500.250.000 đồng (Chiếm 48,15%).
- Ngày 13 tháng 03 năm 2008: Công ty thay đổi giấy phép đăng ký kinh doanh lần 3, Công ty chuyển trụ sở chính từ 124 Minh Khai- Hai Bà Trưng -Hà Nội về số 434-436 đường Nguyễn Trãi- Xã Trung Văn - Huyện Từ Liêm – TP Hà Nội và thay đổi người đại diện phần vốn nhà nước tại doanh nghiệp. Mỗi mốc thời gian đó đều đánh dấu một bước trưởng thành mới của công ty và là sự khởi đầu cho bước phát triển tiếp theo.
- Ngày 08 tháng 10 năm 2010: Sở giao dịch chứng khoán Hà Nội có Quyết định số 737/QĐ-SGDHN về việc chấp thuận niêm yết cổ phiếu Công ty Cổ phần Lắp máy- Thí nghiệm cơ điện. Ngày 15 tháng 11 năm 2010 cổ phiếu Công ty Cổ phần Lắp máy- Thí nghiệm cơ điện (Mã chứng khoán: LCD) chính thức giao dịch trên Sở giao dịch Chứng khoán Hà Nội.
- Ngày 31 tháng 08 năm 2011: Công ty thay đổi giấy phép đăng ký kinh doanh lần 4, Công ty mở rộng thêm lĩnh vực kinh doanh mới: Kinh doanh bất động sản, tư vấn bất động sản, hoạt động tư vấn quản lý, xuất nhập khẩu các mặt hàng Công ty kinh doanh.
- Ngày 13 tháng 04 năm 2012: Công ty thay đổi giấy phép đăng ký kinh doanh lần 5. Công ty mở rộng thêm lĩnh vực kinh doanh mới: Sản xuất các phụ tùng cấu kiện kim loại, phụ kiện phi tiêu chuẩn cho xây dựng, sản xuất vật liệu xây dựng.....
- Ngày 04 tháng 01 năm 2013: Công ty thay đổi giấy phép đăng ký kinh doanh lần 6, Công ty bổ sung vốn điều lệ từ 13.500.000.000 đồng lên 15.000.000.000 đồng
- Ngày 06 tháng 06 năm 2014: Công ty thay đổi giấy phép đăng ký kinh doanh lần thứ 7, Công ty thay đổi tên công ty từ Công ty CP Lilama – Thí nghiệm cơ điện sang Công ty CP lắp máy – Thí nghiệm cơ điện.
- Ngày 24 tháng 09 năm 2014 Công ty thay đổi giấy phép đăng ký kinh doanh lần 8.

- Ngày 29 tháng 04 năm 2016 Công ty thay đổi giấy phép đăng ký kinh doanh lần 9.
- Ngày 14 tháng 05 năm 2018 Công ty thay đổi giấy phép đăng ký kinh doanh lần 10
- Ngày 29 tháng 06 năm 2023 Công ty thay đổi giấy phép đăng ký kinh doanh lần 11
- Ngày 21 tháng 05 năm 2024 Công ty thay đổi giấy phép đăng ký kinh doanh lần 12
- Ngày 04 tháng 03 năm 2025 Công ty thay đổi giấy phép đăng ký kinh doanh lần 13

2. Ngành nghề và địa bàn kinh doanh

- Ngành nghề kinh doanh của công ty:

Công ty được phép lập kế hoạch và tiến hành tất cả các hoạt động sản xuất kinh doanh theo quy định của giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh và điều lệ phù hợp với quy định của pháp luật. Khi cần thiết, Đại hội đồng cổ đông quyết định việc chuyển hay mở rộng các ngành nghề kinh doanh của công ty mà pháp luật cho phép. Hiện nay, ngành nghề kinh doanh của công ty bao gồm:

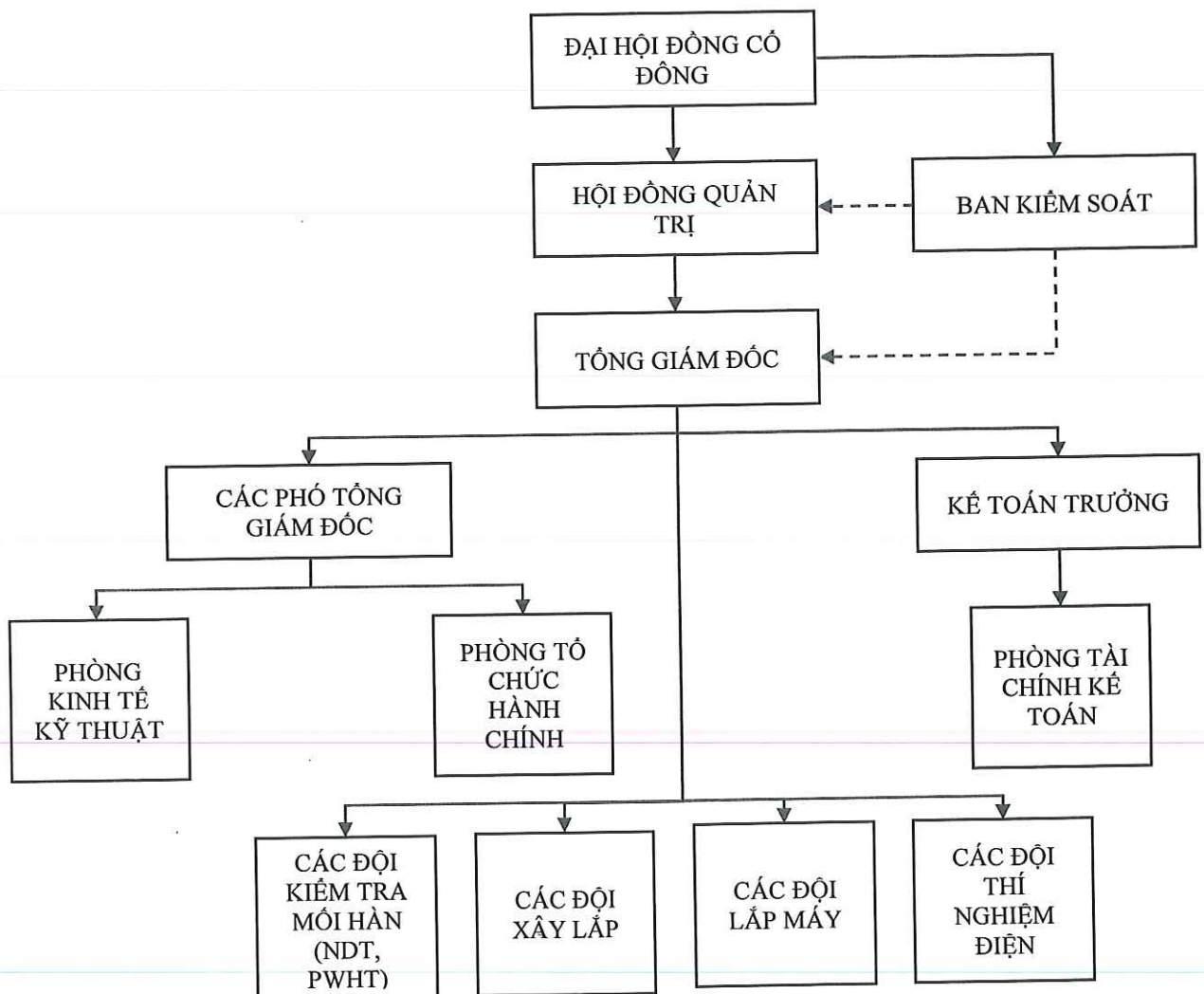
- Xây dựng các công trình công nghiệp, đường dây tải điện, trạm biến thế, lắp ráp thiết bị máy móc cho các công trình;
- Sản xuất phụ tùng cầu kiện kim loại, phụ kiện phi tiêu chuẩn cho xây dựng, sản xuất vật liệu xây dựng: gạch lát, tấm lợp, đá ốp lát, đất đèn, ô xy, que hàn, kinh doanh vật tư thiết bị, vật liệu xây dựng;
- Thiết kế các dây chuyền sản xuất: vật liệu xây dựng, giấy và chế biến lương thực, thực phẩm;
- Lắp đặt các thiết bị công nghệ tự động, công nghệ môi trường, xử lý nước sinh hoạt, hệ thống điều khiển, các thiết bị đo lường và thiết bị dự phòng chống sét cho các hệ thống điện;
- Lắp đặt điện, nước, thiết thông gió, điều hoà không khí;
- Cung cấp, lắp đặt, bảo trì các loại thang máy và hệ thống phòng chống cháy;
- Thí nghiệm kiểm tra, hiệu chỉnh hệ thống thiết bị điện đo lường và điều khiển tự động, hệ thống truyền tải tới 500KV;
- Thí nghiệm, kiểm tra cơ nhiệt, chạy thử các dây truyền công nghệ cho các nhà máy công nghiệp;
- Kiểm tra không phá huỷ (NDT) bằng các phương pháp chụp phóng xạ, siêu âm, từ tính, thử mẫu và kiểm tra chân không;
- Kiểm tra xử lý gia nhiệt các mối hàn kim loại.
- Kinh doanh bất động sản.
- Tư vấn bất động sản.
- Hoạt động tư vấn quản lý.
- Xuất nhập khẩu các mặt hàng Công ty kinh doanh.
- Xây dựng nhà các loại
- Xây dựng công trình đường sắt và đường bộ

- Xây dựng công trình công ích
- Phá dỡ
- Chuẩn bị mặt bằng
- Lắp đặt hệ thống điện
- Hoàn thiện công trình xây dựng
- Hoạt động xây dựng chuyên dụng khác
- Bán buôn thiết bị và linh kiện điện tử, viễn thông
- Bán buôn đồ điện gia dụng, điều hòa nhiệt độ
- Sửa chữa máy móc, thiết bị

- **Địa bàn kinh doanh:**

Với chức năng, ngành nghề, lĩnh vực kinh doanh, địa bàn kinh doanh của công ty trải khắp các vùng miền trong cả nước, tham gia thi công xây lắp tất cả các công trình công nghiệp, dân dụng, quốc phòng... Trong thời gian tới, công ty dự định mở rộng địa bàn hoạt động ra nước ngoài.

3. Thông tin về mô hình quản trị, tổ chức kinh doanh và bộ máy quản lý



Mô hình quản trị: Công ty được tổ chức theo mô hình công ty cổ phần đứng đầu là Đại hội đồng cổ đông; Hội đồng quản trị; Ban kiểm soát; Ban điều hành- đứng đầu là Tổng giám đốc, các Phó tổng giám đốc, Trưởng các phòng ban và đội trưởng các công trình

Định hướng phát triển

- Mục tiêu chủ yếu của Công ty:

Mục tiêu của Công ty trong dài hạn theo định hướng trong Đề án Tái cấu trúc công ty là: Nâng cao năng lực, sức cạnh tranh trong lĩnh vực Thí nghiệm kiểm tra môi hàn bằng phương pháp không phá hủy (NDT), thí nghiệm hiệu chuẩn thiết bị điện – thiết bị đo lường, hướng đến trở thành công ty hàng đầu Việt Nam về lĩnh vực kiểm tra NDT và thí nghiệm hiệu chuẩn.

Năm 2025 Công ty tập trung vào 2 mục tiêu lớn là:

a. Đối với công tác tổ chức và quản lý:

- Tiếp tục nâng cao năng lực quản lý của hệ thống toàn Công ty, tiếp tục phát huy tinh thần đổi mới và sáng tạo trong bộ máy lãnh đạo, quản lý, xác định sơ đồ tổ chức giai đoạn 2025 – 2030 của toàn Công ty, tiếp tục kiện toàn bộ máy quản lý lãnh đạo tại Công ty.
- Hoàn thành xây dựng chiến lược phát triển Công ty, thực hiện tốt công tác tuyển dụng và đào tạo 2025, nội dung đào tạo theo các hình thức khác nhau đảm bảo chất lượng, phù hợp yêu cầu cho quản lý, sản xuất và kinh doanh, phù hợp với điều kiện công việc của các đối tượng tham gia, mục tiêu không ngừng nâng cao chất lượng nguồn nhân lực.
- Tiếp tục thực hiện hệ thống quy chế, quy định và quản lý nội bộ, áp dụng đồng bộ với quy trình quản lý chất lượng theo tiêu chuẩn ISO. Nâng cao tính chuyên nghiệp và hiệu quả trong mọi hoạt động của Công ty.
- Xây dựng nếp sống văn hoá trong doanh nghiệp, làm tốt công tác thi đua khen thưởng, phát động phong trào thi đua tại các đơn vị, tổ đội, tại các công trường trọng điểm góp phần động viên khích lệ CNV hoàn thành tốt công việc được giao.

b. Đối với các hoạt động SXKD:

- Trên cơ sở phân tích chính sách vĩ mô của Chính phủ, diễn biến của thị trường đặc biệt là thị trường vốn và tài chính, xây dựng và điều chỉnh linh hoạt kế hoạch SXKD. Tiếp tục nâng cao năng lực và làm tốt công tác thị trường – Marketing cho cả 2 lĩnh vực xây lắp và kiểm tra không phá hủy cả trong nước và ngoài nước.
- Sử dụng hiệu quả các thiết bị, công nghệ đã đầu tư, đánh giá ưu và nhược điểm, và đề ra các kế hoạch đầu tư cho giai đoạn tiếp theo.
- Tiếp tục cải tiến các nội dung quản lý để kiểm soát tốt về tiến độ, chất lượng sản phẩm do Công ty thực hiện.

- Chiến lược phát triển trung và dài hạn:

a. Sản xuất kinh doanh:

- Hoàn thành về sắp xếp và chuyển đổi mô hình quản lý, chuyển đổi căn bản về năng lực quản lý của Công ty
- Tăng trưởng cao mọi mặt trong hoạt động sản xuất kinh doanh.
- Đầu tư chiều sâu để tiếp tục phát huy những thế mạnh về các công việc sở trường truyền thống của Công ty trong những năm qua đó là công tác thí nghiệm điện và công tác kiểm tra mỗi hàn bằng phương pháp không phá huỷ NDT.
- Tăng cường đầu tư, hợp tác đầu tư, tăng vốn điều lệ, mở rộng ngành nghề và phạm vi kinh doanh, dịch chuyển cơ cấu kinh doanh, nghiên cứu và mạnh dạn phát triển thêm một số công việc khác: sản xuất các tủ bảng điện, máng cáp, chế tạo và lắp đặt các thiết bị, kết cấu thép...

b. Tài chính:

- Duy trì tình hình tài chính lành mạnh và ổn định.
- Tích cực tìm nguồn vốn với chi phí thấp

c. Công tác đời sống của CBCNV:

- Đảm bảo đủ việc làm cho CBCNV, phấn đấu nâng mức thu nhập bình quân hàng tháng đạt và vượt 9 triệu đồng/người/tháng.
- Duy trì chế độ khuyến khích thợ giỏi, xây dựng đơn giá tiền lương và định mức khoán đảm bảo sự công bằng xã hội và kích thích sản xuất phát triển.
- Chăm lo sức khỏe cho người lao động, tổ chức khám sức khỏe định kỳ đều đặn, mua BHXH, BHYT, bảo hiểm tai nạn lao động đầy đủ, thăm hỏi trợ cấp khó khăn kịp thời cho CBCNV.
- Đẩy mạnh phong trào văn hoá, văn nghệ thể thao quần chúng tạo ra cuộc sống tinh thần sôi động, xoá bỏ các tệ nạn xã hội, tích cực tham gia các phong trào với địa phương có hiệu quả.

4. Các rủi ro:

Trong hoạt động kinh doanh của mình, công ty có nguy cơ gặp các rủi ro như sau:

- Rủi ro thị trường
- Rủi ro tín dụng
- Rủi ro thanh toán

Ban Giám đốc chịu trách nhiệm chung đối với việc thiết lập và giám sát nguyên tắc quản lý rủi ro tài chính. Ban Giám đốc thiết lập các chính sách nhằm phát hiện và phân tích các rủi ro mà công ty phải chịu, thiết lập các biện pháp kiểm soát rủi ro và các hạn mức rủi ro thích hợp, và giám sát các rủi ro và việc thực hiện các hạn mức rủi ro. Hệ thống và chính sách quản lý rủi ro được xem xét lại định kỳ nhằm phản ánh những thay đổi của các điều kiện thị trường và hoạt động của công ty.

4.1. Rủi ro thị trường

Rủi ro thị trường bao gồm 3 loại rủi ro: rủi ro tiền tệ, rủi ro lãi suất và rủi ro giá. Mục tiêu của việc quản lý rủi ro thị trường là quản lý và kiểm soát mức độ rủi ro trong giới hạn chấp nhận được, trong khi vẫn tối đa hóa lợi nhuận.

a. Rủi ro tiền tệ

Rủi ro về tiền tệ là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc lưu chuyển tiền tệ của một công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi về tỷ giá. Công ty gần như không bị ảnh hưởng của rủi ro ngoại tệ do giá trị tài sản của công ty có gốc ngoại tệ là rất thấp

b. Rủi ro lãi suất

Rủi ro về lãi suất là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc lưu chuyển tiền tệ của một công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi về lãi suất. Rủi ro này của công ty chủ yếu liên quan đến các khoản vay ngắn hạn với lãi suất thả nổi.

c. Rủi ro giá

Rủi ro về giá chủ yếu mà công ty phải đối mặt là biến động giá của nguyên, nhiên vật liệu đầu vào giữa thời điểm ký hợp đồng và thời điểm thi công

4.2. Rủi ro tín dụng

Rủi ro tín dụng là rủi ro công ty bị thiệt hại về tài chính nếu một khách hàng hoặc một đối tác / chủ đầu tư của công ty không thể thực hiện các nghĩa vụ theo hợp đồng của họ, và rủi ro này phát sinh chủ yếu từ các khoản phải thu khách hàng của công ty.

4.3. Rủi ro thanh khoản

Rủi ro thanh khoản là rủi ro công ty sẽ gặp khó khăn và không thể thực hiện các nghĩa vụ liên quan đến các khoản nợ tài chính. Chính sách của công ty là thường xuyên giám sát các yêu cầu thanh khoản hiện tại và tương lai nhằm đảm bảo công ty có thể duy trì dự trữ tiền mặt đầy đủ để có thể đáp ứng các yêu cầu thanh khoản trong ngắn hạn và trung hạn. Việc nắm giữ tiền mặt của công ty và luồng lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động được cho là đầy đủ để có thể thanh toán các khoản nợ đến hạn trong năm tài chính tới của công ty.

II. Tình hình hoạt động trong năm

Trong những năm gần đây, với chức năng và nhiệm vụ của mình, công ty đã thực hiện và hoàn thành nhiều công trình lớn, quan trọng như : Nhà máy nhiệt điện Vũng Áng, nhà máy nhiệt điện Nghi Sơn, nhà máy nhiệt điện Mông Dương, khu công nghiệp Formosa Hà Tĩnh, nhà máy lọc hóa dầu Nghi Sơn, nhiệt điện Thái Bình, nhiệt điện Long Phú, NM điện mặt trời Sông Giang, NM Nhiệt điện Nghi Sơn 2, NM điện mặt trời áp mái... Và đang thực hiện hoàn thành bàn giao một số công trình: nhà máy nhiệt điện Sông Hậu 1, nhà máy nhiệt điện Vân Phong 1, nhà máy Lọc hoá dầu Long Sơn, NM NĐ Nhơn Trạch 3&4, Dự án Hydrogen xanh NEOM... Đào tạo được đội ngũ cán bộ quản lý, cán bộ kỹ thuật có trình độ cao, đội ngũ công nhân kỹ thuật lành nghề có khả năng kế thừa và phát triển để đảm nhận quản lý và thực hiện những dự án có quy mô lớn.

Năm 2025 với những khó khăn chung của ngành xây lắp, thị trường việc làm thế mạnh của Công ty bị thu hẹp cùng với sự cạnh tranh gay gắt của các đối thủ cùng ngành nghề. Bên cạnh đó, ảnh hưởng của lạm phát nên giá cả tăng cao ảnh hưởng không nhỏ đến kết quả sản xuất kinh doanh của Công ty. Vì vậy, một số chỉ tiêu kinh tế chính năm 2025 của Công ty không đạt so với kế hoạch đề ra.

1. Tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh

- Kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh năm 2025

TT	Chỉ tiêu	Thực hiện năm 2025 (Đồng)
1	Giá trị sản xuất kinh doanh	72.335.828.011
2	Tổng doanh thu	54.060.951.862
3	Lợi nhuận trước thuế	769.318.827
4	Nộp ngân sách	2.406.107.415
5	Thu nhập bình quân	9.097.910
6	Đầu tư	0
7	Tỷ lệ chia cổ tức %	0

- Tình hình thực hiện so với kế hoạch:

TT	Chỉ tiêu	Kế hoạch năm 2025 (Đồng)	Thực hiện năm 2025 (Đồng)	Tỷ lệ % so kế hoạch
1	Giá trị sản xuất kinh doanh	92.890.000.000	72.335.828.011	78%
2	Tổng doanh thu	70.000.000.000	54.060.951.862	83%
3	Lợi nhuận trước thuế	1.750.000.000	769.318.827	44%
4	Nộp ngân sách	4.583.000.000	2.406.107.415	52%
5	Thu nhập bình quân	9.000.000	9.097.910	101%
6	Đầu tư	10.000.000.000	0	0
7	Tỷ lệ chia cổ tức %	0	0	0

-Thuận lợi

- Được sự giúp đỡ tạo điều kiện thuận lợi của các đối tác, các cơ quan chính quyền địa phương TP Hà Nội và các địa phương nơi công ty thi công.
- Sự quyết tâm nỗ lực khắc phục mọi khó khăn của toàn thể CBCNV, sự kết hợp chặt chẽ của các tổ chức đoàn thể trong Công ty.
- Ban lãnh đạo Công ty đã không ngừng tìm kiếm đối tác, ký kết hợp đồng kinh tế.

2. Tổ chức và nhân sự

2.1 Danh sách ban điều hành:

T T	Họ và tên	Năm sinh	Nghề nghiệp	Chức vụ	Quê quán	Số CP sở hữu
1	Lê Văn Định	17/07/1970	Kỹ sư điện	TGD (Miễn nhiệm ngày 27/02/2025)	Ứng Hòa – Hà Nội	10.633
2	Nguyễn Thành Đại	21/06/1979	Kỹ sư điện	PTGD	Hà Đông – Hà Nội	0
3	Nguyễn Sỹ Thành	21/12/1976	Kỹ sư điện	PTGD	Tuy Hòa - Hải Dương	0
4	Vũ Hoàng Tùng	05/07/1985	Cử nhân kinh tế	KTT	Bà Triệu – Hà Nội	286.350
5	Trần Thanh Điền	26/11/1987	Kỹ sư công nghệ hàn	PTGD (Bổ nhiệm ngày 27/02/2025)	Mỹ Lộc - Nam Định	0
6	Lê Thị Chi	20/03/1985	Cử nhân kinh tế	Phó trưởng phòng TCKT – Phụ trách phòng TCKT (Bổ nhiệm ngày 27/02/2026)	Tứ Kỳ - Hải Dương	0

2.2 Những thay đổi trong ban điều hành:

Trong năm 2025 công ty CP lắp máy – TNCD có sự thay đổi trong ban điều hành

T T	Họ và tên	Năm sinh	Nghề nghiệp	Chức vụ	Quê quán	Ghi chú
1	Vũ Hoàng Tùng	05/07/1985	Cử nhân kinh tế	TGD	Bà Triệu – Hà Nội	Bổ nhiệm ngày 27/02/2025
2	Nguyễn Thành Đại	21/06/1979	Kỹ sư điện	PTGD	Hà Đông – Hà Nội	Miễn nhiệm ngày 27/02/2025
3	Trần Thanh Điền	26/11/1987	Kỹ sư công nghệ hàn	PTGD	Mỹ Lộc - Nam Định	Bổ nhiệm ngày 27/02/2025
4	Lê Thị Chi	20/03/1985	Cử nhân kinh tế	Phó trưởng phòng TCKT – Phụ trách phòng TCKT	Tứ Kỳ - Hải Dương	Bổ nhiệm ngày 27/02/2025

2.3 Số lượng cán bộ nhân viên, chính sách đối với người lao động

- Tổng số lao động đến 31/12/2025 là 75 người; Trong đó

- Hợp đồng dài hạn là: 36 người
- Hợp đồng ngắn hạn dưới 3 tháng là: 19 người
- Hợp đồng có thời hạn: 20 người

- Chính sách đối với người lao động:

- Về tiền lương: Hiện nay, Công ty đang áp dụng hệ thống lương theo tính chất công việc. Đối với công nhân trực tiếp sản xuất, áp dụng lương khoán theo khối lượng công việc hoàn thành trong tháng. Đối với cán bộ công nhân viên gián tiếp, nghiệp vụ hưởng lương theo công việc và căn cứ vào trình độ, năng lực và hiệu quả công việc được giao.
- Về công tác đào tạo: Với mục tiêu hướng đến kỹ năng chuyên môn hoá cao trong tất cả các bộ phận công tác, công ty luôn khuyến khích người lao động nâng cao năng lực nghiệp vụ, chuyên môn để đảm bảo hoàn thành nhiệm vụ tốt nhất; trong thời gian qua,
- Công ty đã hỗ trợ kinh phí đào tạo cho CBCNV trong việc học tập nâng cao nghiệp vụ, kỹ thuật. Trong thời gian tới, Công ty cũng sẽ tổ chức các lớp học, thi nâng cao tay nghề, bậc kỹ thuật, tạo ra phong trào học tập đi đôi với sáng tạo trong lao động sản xuất, phục vụ tốt cho mục tiêu phát triển lâu dài của Công ty.
- Về chính sách khen thưởng: Để khuyến khích người lao động, Công ty có những chính sách khen thưởng xứng đáng với cá nhân, tập thể có thành tích xuất sắc, bên cạnh đó công ty cũng áp dụng các quy định xử phạt đối với các hành vi gây ảnh hưởng xấu đến hoạt động, hình ảnh của Công ty.
- Công tác đời sống đối với CBCNV Công ty luôn quan tâm, đảm bảo cho người lao động làm việc và thu nhập đúng với kết quả sản xuất kinh doanh của Công ty, mức thu nhập bình quân một người/tháng đảm bảo, tiền thưởng bình quân lao động/người/năm bằng một tháng lương bình quân của năm.
- Trợ cấp khó khăn cho cán bộ công nhân viên có hoàn cảnh khó khăn thường xuyên, kịp thời, đúng đối tượng.

3. Tình hình đầu tư, tình hình thực hiện các dự án

3.1. Tình hình thực hiện các dự án đầu tư:

Kế hoạch đầu tư mua máy móc thiết bị phục vụ sản xuất năm 2025 là 10.000.000.000 đồng. Công ty thực hiện được: 0 đồng đạt 0% so với kế hoạch.

3.2. Các công ty con, công ty liên kết:

Hiện tại, Công ty không có công ty con/công ty liên kết.

4. Tình hình tài chính

Trên cơ sở nhận định khách quan, sát thực về cơ hội và thách thức, bước vào thực hiện nhiệm vụ kế hoạch năm 2025, Công ty đã đề ra các mục tiêu và nhiệm vụ cụ thể, phù hợp; lãnh đạo và điều hành linh hoạt theo diễn biến của nền kinh tế, đặc biệt nắm bắt, khai thác các cơ hội một cách hiệu quả. Trong những thời điểm khó khăn nhất về vốn của thị trường Việt Nam, Công ty vẫn kiểm soát được tài chính, đảm bảo được vốn cho hoạt động. Thanh toán cho các nhà cung cấp vật tư, nhà thầu phụ, các đơn vị thi công của Công ty đúng tiến độ và kế hoạch. Một số chỉ tiêu đánh giá tài chính trong năm như sau:

a. Các chỉ tiêu tài chính

Chỉ tiêu	Năm 2024 (Đồng)	Năm 2025 (Đồng)	Tỷ lệ % đạt so với năm 2024
Tổng giá trị tài sản	122.446.715.305	105.878.502.492	86%
Doanh thu thuần	37.677.603.513	54.060.951.862	143%
Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh	-22.178.947	-344.938.057	
Lợi nhuận khác	896.278.735	1.114.256.884	124%
Lợi nhuận trước thuế	874.099.788	769.318.827	88%
Lợi nhuận sau thuế	86.534.241	154.229.725	177
Tỷ lệ lợi nhuận trả cổ tức	0	0	

b) Các chỉ tiêu tài chính chủ yếu:

STT	Chỉ tiêu	Năm 2024	Năm 2025	Ghi chú
1	Chỉ tiêu về khả năng thanh toán			
	+ Hệ số thanh toán ngắn hạn:			
	TSLĐ/Nợ ngắn hạn	1,107	1,144	
	+ Hệ số thanh toán nhanh:			
	<u>TSLĐ-Hàng tồn kho</u>	0,68	0,85	
	Nợ ngắn hạn			
2	Chỉ tiêu về cơ cấu vốn			
	+ Hệ số Nợ/ Tổng tài sản	0,751	0,71	
	+ Hệ số Nợ/ Vốn chủ sở hữu	3,01	2,451	
3	Chỉ tiêu về năng lực hoạt động			
	+ Vòng quay hàng tồn kho:			
	<u>Giá vốn hàng bán</u>	0,697	1,477	
	Hàng tồn kho bình quân			
	+ Doanh thu thuần/Tổng tài sản	0,308	0,51	

4	Chỉ tiêu về khả năng sinh lời			
	+ Hệ số lợi nhuận sau thuế/Doanh thu thuần	0,002	0,0029	
	+ Hệ số lợi nhuận sau thuế/ Vốn chủ sở hữu	0,003	0,005	
	+ Hệ số lợi nhuận sau thuế/ Tổng tài sản	0,001	0,0015	
	+ Hệ số lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh/ Doanh thu thuần	-0,001	-0,0064	

5. Cơ cấu cổ đông, thay đổi vốn đầu tư của chủ sở hữu:

a. Cổ phần:

Tổng số cổ phần công ty hiện có là 1.500.000 trong đó có 55 cổ phiếu quỹ

b. Cơ cấu cổ đông:

- Cổ đông cá nhân

STT	Họ và tên	Số lượng cổ phiếu	Tỷ lệ sở hữu(%)
2	Vũ Hoàng Tùng	286.350	19,09
3	Vũ Thị Thúy Giang	255.000	17
4	Vũ Anh Tuấn	350.173	23,34
5	Các cá nhân khác	65.672	4,38

- Cổ đông tổ chức/nhà nước

TT	Họ và tên	Địa chỉ	Số Đăng ký kinh doanh	Cổ phần	Tỷ lệ sở hữu (%)
1	Tổng công ty Lắp máy Việt Nam - CTCP	124 Minh Khai, Hà Nội	0100106313	542.750	36,18
2	Công ty cổ phần chứng khoán VPS	Khu văn phòng số 65 phố Cảm Hội, P. Đồng Mác, Q. Hai Bà Trưng, TP. Hà Nội	30/GCNTVLK	77	0,005

3	Công ty CP Lắp máy – Thí nghiệm cơ điện	434-436 Nguyễn Trãi – Đại Mỗ - TP. HN	0100106458	55	0,004
---	--	---	------------	----	-------

- **Tình hình thay đổi vốn đầu tư của chủ sở hữu:**

- **Giao dịch cổ phiếu quỹ:** Trong năm 2025 công ty không có giao dịch cổ phiếu quỹ

- **Chứng khoán khác:**

6. Báo cáo tác động liên quan đến môi trường và xã hội của Công ty

6.1. Quản lý nguồn nguyên vật liệu:

6.2. Tiêu thụ năng lượng:

a) Năng lượng tiêu thụ: 87.660 kw

b) Năng lượng tiết kiệm được thông qua các sáng kiến sử dụng năng lượng hiệu quả: Tiết kiệm khoảng 1% tổng năng lượng sử dụng thông qua chương trình tiết kiệm.

c) Các báo cáo sáng kiến tiết kiệm năng lượng: Không

6.3. Tiêu thụ nước:

a) Nguồn cung cấp nước và lượng nước sử dụng

- Nguồn cung cấp nước: Nước sạch Hà Đông

- Sử dụng: 361 khối

b) Tỷ lệ phần trăm và tổng lượng nước tái chế và tái sử dụng: 1%

6.4. Tuân thủ pháp luật về bảo vệ môi trường

a) Số lần bị xử phạt vi phạm do không tuân thủ pháp luật và các quy định về môi trường: Không

b) Tổng số tiền bị xử phạt: Không

6.5. Chính sách liên quan đến người lao động

a) Số lượng lao động, mức lương trung bình đối với người lao động

- Số lượng lao động: 397 người

- Mức lương bình quân: 9.078.799 đồng

b) Chính sách lao động nhằm đảm bảo sức khỏe, an toàn phúc lợi của người lao động

- Đảm bảo đủ việc làm cho cán bộ công nhân viên, tăng hiệu quả sản xuất để tăng thu nhập cho người lao động

- Thực hiện quy chế khen thưởng, phúc lợi, thăm hỏi trợ cấp kịp thời cho CBCNV

- Chăm lo sức khỏe cho người lao động, tổ chức khám sức khỏe định kỳ đều đặn, mua BHXH, BHYT, bảo hiểm tai nạn lao động đầy đủ

c) Hoạt động đào tạo người lao động

Công ty tổ chức chương trình đào tạo kiểm tra chất lượng môi hàn bằng phương pháp không phá hủy NDT và An toàn bức xạ trong công nghiệp tại Trung tâm đánh giá không phá NDE. Công ty có 01 chuyên gia NDT bậc III quốc tế, đảm bảo cho sự tăng trưởng của công tác NDT trong thời gian tới.

6.6. Báo cáo liên quan đến trách nhiệm đối với cộng đồng địa phương

- Công ty tuân thủ các quy định của pháp luật và địa phương, tích cực tham gia các hoạt động phong trào giữ gìn và bảo vệ môi trường xanh – sạch – đẹp
- Tham gia các hoạt động xã hội từ thiện và ủng hộ tại địa phương

6.7. Báo cáo liên quan đến hoạt động thị trường vốn xanh theo hướng dẫn của UBCKNN: Không

III. Báo cáo và đánh giá của Ban Giám đốc

1. Đánh giá kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh

- Phân tích tổng quan về hoạt động của công ty so với kế hoạch

STT	Chỉ tiêu	Kế hoạch năm 2025 (Đồng)	Thực hiện năm 2025 (Đồng)	Tỷ lệ % so KH	Tỷ lệ % so với 2024
1	Giá trị sản xuất kinh doanh	92.890.000.000	72.335.828.011	78%	
2	Tổng doanh thu	70.000.000.000	54.060.951.862	77%	
3	Lợi nhuận trước thuế	1.750.000.000	769.318.827	44%	
4	Nộp ngân sách	4.583.000.000	2.406.107.415	52%	
5	Thu nhập bình quân	9.000.000	9.097.410	101%	
6	Đầu tư	10.000.000.000	0	0	
7	Tỷ lệ chia cổ tức %	0	0	0	

- Những tiến bộ công ty đã đạt được

a. Về công tác tổ chức và quản lý:

- Năm 2025 nhân sự bộ máy lãnh đạo quản lý của Công ty có sự thay đổi nhưng vẫn đảm bảo về năng lực quản lý và tiếp tục nâng cao đáp ứng yêu cầu quản lý tốt các hoạt động của Công ty.
- Nguồn nhân lực được bổ sung về số lượng, nâng cao về chất lượng, công tác tuyển dụng, đào tạo và sử dụng nhân lực được thực hiện theo quy trình phù hợp có tính kế hoạch cụ thể và đạt được kết quả tích cực..
- Sửa đổi, xây dựng mới và ban hành một số quy chế, điều lệ, quy định quản lý nội bộ đã góp phần tích cực, nâng cao hiệu quả trong công tác quản lý của Công ty.

- Công tác đào tạo nhân lực được quan tâm đầu tư kinh phí, lập kế hoạch và thực hiện tốt một số khoá đào tạo, bồi dưỡng kiến thức, trình độ chuyên môn, nghiệp vụ cho đội ngũ lãnh đạo và CB CNV. Các phòng, ban và đơn vị đã quan tâm thực hiện công tác đào tạo tại chỗ theo định hướng của Công ty.
- Công tác thi đua khen thưởng tiếp tục được chú trọng và thực hiện ngày một tốt hơn.

b. Đảm bảo việc làm, thu nhập, thực hiện chính sách đối với CB CNV

- Mặc dù trong điều kiện hết sức khó khăn của nền kinh tế, việc cạnh tranh gay gắt để tìm kiếm việc làm, trong năm 2025 Công ty vẫn đáp ứng đủ việc làm cho hầu hết cán bộ công nhân viên, điều kiện làm việc tiếp tục được quan tâm và cải thiện tích cực.
- Thu nhập và đời sống CB CNV được quan tâm và nâng cao thông qua tiền lương, tiền thưởng, mức thu nhập bình quân toàn Công ty đạt 9.097.410 đồng/người/tháng,
- Các chính sách, chế độ của người lao động được quan tâm và giải quyết kịp thời, quyền lợi được đảm bảo.

c. Các mặt công tác khác

- Các mặt công tác khác như: Tài chính kế toán, Kỹ thuật công nghệ, Quản lý vật tư thiết bị được triển khai đồng bộ có tính kế hoạch cao và đạt hiệu quả trong hoạt động sản xuất kinh doanh
- Tăng cường công tác quản lý, giáo dục CBCNV có ý thức chấp hành nghiêm túc chủ trương đường lối chính sách của Đảng và Nhà nước, điều lệ của Công ty. Nâng cao ý thức trách nhiệm và kỷ luật cho toàn thể nhân viên trong Công ty.
- Tập trung chỉ đạo công tác thu hồi vốn các công trình đã thi công xong, hoàn thiện hồ sơ pháp lý thanh quyết toán để làm cơ sở thu hồi vốn giảm lãi vay ngân hàng.
- Quản lý thanh quyết toán cho các đội công trình đúng theo quy chế đã ban hành, kịp thời đúng chế độ
- Công tác quản lý tài chính công khai, minh bạch, kiểm toán kịp thời vào thời điểm kết thúc năm tài chính góp phần duy trì tài chính Công ty lành mạnh và ổn định.
- Lãnh đạo công ty đã quan tâm triệt để đến công tác an toàn lao động, chỉ đạo Ban an toàn lao động công ty thực hiện đầy đủ các quy định về công tác an toàn, tổ chức cho các CBCNV đi công tác các công trình được học tập đầy đủ các bước an toàn trước khi làm việc. Xây dựng mạng lưới an toàn viên từ công ty đến các đội công trình, tổ sản xuất, thường xuyên cử các cán bộ an toàn tham gia các khoá đào tạo về an toàn, đặc biệt là công tác an toàn trong lĩnh vực thí nghiệm điện và kiểm tra mối hàn bằng phương pháp không phá huỷ NDT. Thường xuyên tổ chức các đoàn kiểm tra về công tác ATLĐ tại các công trình. Tổ chức thực hành các trường hợp khẩn cấp đặc biệt với công tác NDT tại các công trình mà công ty tham gia xây dựng.

2. Tình hình tài chính

- Tình hình tài sản và nợ phải trả

STT	Chỉ tiêu	Năm 2025
1	Cơ cấu tài sản - Tài sản dài hạn/Tổng tài sản - Tài sản ngắn hạn/Tổng tài sản	18,73% 81,27%
2	Cơ cấu nguồn vốn - Nợ phải trả/Tổng nguồn vốn - Nguồn vốn chủ sở hữu/Tổng nguồn vốn	71,02% 28,98%
3	Khả năng thanh toán - Tổng tài sản/Tổng nợ phải trả - TS ngắn hạn/Tổng nợ ngắn hạn - Tổng tiền và các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn/Tổng nợ ngắn hạn	1,408 1,144 0,003
4	Tỷ suất lợi nhuận a. Lợi nhuận/doanh thu - LN trước thuế/Doanh thu thuần+ DT hoạt động tài chính+th nhập khác - LN sau thuế/Doanh thu thuần+ DT hoạt động tài chính+th nhập khác b. Lợi nhuận/Tổng tài sản - LN trước thuế/Tổng tài sản - LN sau thuế/Tổng tài sản c. Lợi nhuận sau thuế/ Nguồn vốn CSH	1,4% 0,3% 0,73% 0,146% 0,5%

- *Phân tích các hệ số phù hợp trong khu vực kinh doanh.*

- Hệ số thanh toán: Tổng tài sản/tổng nợ phải trả tại ngày 31/12/2025 là 1,408>1, chứng tỏ tình hình tài chính là an toàn, đảm bảo khả năng thanh toán các khoản nợ, tuy nhiên hệ số thanh toán: tổng tiền và các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn/tổng nợ ngắn hạn tương đối thấp do đặc thù của ngành xây lắp giá trị sản phẩm dở dang chiếm tỷ trọng lớn trong hàng tồn kho chủ yếu là các công trình xây dựng, lắp đặt chưa quyết toán.
- Các chỉ tiêu về khả năng sinh lời khá cao so với các doanh nghiệp cùng ngành lắp máy; hệ số lợi nhuận sau thuế/doanh thu thuần đạt 0,3%, hệ số lợi nhuận sau thuế/Vốn chủ sở hữu đạt 0,5%, hệ số lợi nhuận sau thuế/Tổng tài sản đạt 0,1%.
- Như vậy các hệ số của Công ty so với các doanh nghiệp cùng ngành lắp máy là tương đối tốt.

3. Những cải tiến về cơ cấu tổ chức, chính sách, quản lý

Nhằm nâng cao năng lực lãnh đạo, kiểm tra của hội đồng quản trị, năng lực điều hành của ban giám đốc cũng như đảm bảo sự độc lập tương đối giữa 2 bộ máy này, trong năm 2025 với sự đồng ý của Đại hội đồng cổ đông, công ty tách riêng giữa quản trị công ty và bộ máy điều hành. Chính sự tách biệt này đã giúp cho công tác kiểm tra giám sát chặt chẽ mọi hoạt động SXKD và đưa ra các quyết định, chính sách kịp thời. Cũng trong năm 2025, công ty đã rà soát và sửa đổi bổ sung một số

quy chế ban hành trong nội bộ công ty nhằm nâng cao tính hiệu quả trong hoạt động sản xuất kinh doanh và hiệu quả sử dụng vốn như: Quy chế khoán sản phẩm và các định mức kinh tế kỹ thuật, tiêu hao vật tư; quy chế quản lý và sử dụng quỹ phúc lợi, quy định về quản lý nhân lực...

4. Kế hoạch phát triển trong tương lai

4.1. Nhiệm vụ kế hoạch trọng tâm năm 2026:

a. Đối với công tác tổ chức và quản lý:

- Tiếp tục nâng cao năng lực quản lý của hệ thống toàn Công ty, phát huy tinh thần đổi mới và sáng tạo trong bộ máy lãnh đạo, quản lý, không ngừng kiện toàn bộ máy quản lý lãnh đạo tại Công ty.
- Hoàn thành xây dựng chiến lược phát triển Công ty, thực hiện tốt công tác tuyển dụng và đào tạo năm 2025, nội dung và hình thức đào tạo phong phú đảm bảo chất lượng, phù hợp yêu cầu cho công tác quản lý và điều kiện công việc của các đối tượng tham gia, mục tiêu không ngừng nâng cao chất lượng nguồn nhân lực.
- Tiếp tục hoàn thiện hệ thống quy chế, quy định và quản lý nội bộ, áp dụng đồng bộ với quy trình quản lý chất lượng theo tiêu chuẩn ISO. Nâng cao tính chuyên nghiệp và hiệu quả trong mọi hoạt động của Công ty.- Quan tâm chính sách đối với người lao động, xây dựng nếp sống văn hoá trong doanh nghiệp, làm tốt công tác thi đua khen thưởng, phát động phong trào thi đua tại các đơn vị, tổ đội, tại các công trường trọng điểm góp phần động viên khích lệ CNV hoàn thành tốt công việc được giao.

b. Trong lĩnh vực SXKD

- Trên cơ sở phân tích chính sách vĩ mô của Chính phủ, diễn biến của thị trường đặc biệt là thị trường vốn và tài chính, khả năng thu xếp vốn của bên A, xây dựng và điều hành tốt kế hoạch hàng kỳ. Tiếp tục nâng cao năng lực công tác thị trường -Marketing cho lĩnh vực sxkd cả trong nước và nước ngoài, thực hiện tốt các hợp đồng, các dự án có hàm lượng kỹ thuật cao.
- Khai thác hiệu quả các thiết bị, công nghệ đã đầu tư, đánh giá ưu và nhược điểm, xây dựng kế hoạch đầu tư bổ sung cho giai đoạn tiếp theo.
- Tiếp tục cải tiến các nội dung quản lý để kiểm soát tốt về tiến độ, chất lượng sản phẩm do Công ty thực hiện.
- Nâng cao khả năng phân tích, dự báo để lập kế hoạch và thực hiện thu mua, vật tư, thiết bị do bên A cung cấp.
- Thúc đẩy việc nâng cao năng lực, quy mô SXKD của các đơn vị, các tồn tại, yếu kém trong SXKD cần phải sớm được khắc phục.
- Tập trung chỉ đạo công tác thu hồi vốn các công trình đã thi công xong, hoàn thiện hồ sơ pháp lý thanh quyết toán để làm cơ sở thu hồi vốn giảm lãi vay ngân hàng.

4.2. Các chỉ tiêu cơ bản kế hoạch năm 2026:

Stt	Chỉ tiêu	Kế hoạch 2026(Đồng)
1	Giá trị sản xuất kinh doanh	67.927.000.000
2	Tổng doanh thu	50.850.000.000
3	Lợi nhuận	1.525.000.000
4	Nộp ngân sách	1.815.000.000
5	Thu nhập bình quân	9.500.000
6	Đầu tư máy móc, thiết bị	10.000.000.000

4.3 Các giải pháp nhằm đảm bảo thực hiện thắng lợi mục tiêu KH năm 2026:

Trên cơ sở đánh giá phân tích, Ban lãnh đạo Công ty nhận định năm 2026 tình hình sản xuất kinh doanh của các doanh nghiệp nói chung, Công ty nói riêng sẽ còn tiếp diễn những khó khăn. Để hoàn thành được các nhiệm vụ và đạt được các mục tiêu kế hoạch năm 2026 đã đặt ra Công ty cần tiến hành đồng thời một số giải pháp nhằm chủ động ứng biến, trong đó giải pháp tổng quát cho mục tiêu phát triển như sau:

- Một là: Cập nhật và nắm bắt kịp thời diễn biến thực tế của nền kinh tế và các chính sách của Nhà nước để có dự báo phù hợp, từ đó có sự điều chỉnh kế hoạch hàng kỳ theo kế hoạch tổng quát năm, chủ động tránh các rủi ro có thể xảy ra.
- Hai là: Hoàn thiện mô hình tổ chức trong Công ty, tiếp tục kiện toàn bộ máy tại các đơn vị, tối ưu hóa việc sản xuất, kinh doanh theo hướng tăng năng suất chất lượng, tiết kiệm và kiểm soát tốt chi phí nhằm giảm tối đa chi phí, tăng sức cạnh tranh cho sản phẩm.
- Ba là: Phát huy yếu tố con người là trung tâm của mọi hoạt động, là nguồn lực quyết định cho sự thành công và phát triển bền vững của Công ty.

a. Nhóm giải pháp cho công tác tổ chức quản lý:

- Xây dựng chính sách khoa học phù hợp đối với người lao động để phát huy năng lực làm việc của CBCNV cũng như thu hút, bổ sung lao động có chất lượng cao.
- Thực hiện tốt hơn công tác tuyển dụng, đào tạo, đào tạo tại chỗ, bổ nhiệm những người có năng lực vào vị trí nhân sự chủ chốt tại Công ty và các đơn vị đáp ứng yêu cầu phát triển.
- Triển khai tốt công tác thi đua khen thưởng, phát động phong trào thi đua đến người lao động có cơ hội phát huy hết những năng lực của mình.

b. Nhóm các giải pháp cho hoạt động SXKD:

- Tập trung thu hồi vốn đối với những công nợ phải thu đã đến hạn.

- Lập kế hoạch tài chính dài hạn, trung hạn, ngắn hạn nhằm chủ động cung cấp vốn cho nhu cầu sản xuất
- Công ty phải chủ động thường xuyên rà soát lại danh mục hợp đồng xây lắp và kiểm tra, thí nghiệm để ưu tiên cho những hợp đồng có thể thu hồi vốn nhanh, chủ động đàm phán với các chủ đầu tư về tiến độ đối với các hợp đồng đang gặp khó khăn về vốn.
- Bổ sung nhân sự và làm tốt công tác nghiên cứu thị trường, phân tích lựa chọn thị trường, lợi thế, mở rộng thị trường, chiến lược sản phẩm cho mỗi lĩnh vực kinh doanh.
- Sử dụng hiệu quả các thiết bị công nghệ đã đầu tư để nâng cao chất lượng, rút ngắn thời gian thi công, tiết kiệm chi phí nhân công, nâng cao hình ảnh của Công ty với các chủ đầu tư tăng sức cạnh tranh.
- Quy định trách nhiệm đối với đơn vị, cá nhân về chất lượng công trình bàn giao cho bên A, đảm bảo quản lý chất lượng tất cả các công trình do Công ty thực hiện.

c. Nhóm các giải pháp về đầu tư và hợp tác đầu tư:

- Lập kế hoạch tài chính dài hạn, trung hạn, ngắn hạn nhằm chủ động cho kế hoạch đầu tư.
- Phân tích, nghiên cứu cơ hội đầu tư, hợp tác đầu tư - Mở rộng đầu tư có chọn lọc trong lĩnh vực đang đầu tư và lĩnh vực mới có đủ điều kiện, phát huy lợi thế và hiệu quả cao.
- Hợp tác đầu tư với đơn vị đối tác trong và ngoài nước có tiềm năng nhằm nâng cao năng lực quản trị, tận dụng phát huy công nghệ, vốn và lợi thế của đối tác.
- Tập trung tìm kiếm các nguồn vốn vay từ các tổ chức tín dụng khác nhau, với mức lãi suất thấp nhất có thể để tăng hiệu quả sản xuất kinh doanh.

Trong bối cảnh nền kinh tế Việt Nam, kinh tế khu vực có nhiều biến động phức tạp và khó lường, thị trường việc làm ngày càng thu hẹp, mục tiêu nhiệm vụ kế hoạch 2026 của Công ty đề ra là rất lớn. Phát huy thành quả và sức mạnh mà Công ty đã giành được trong những năm qua, với tinh thần Đoàn kết - Năng động và Sáng tạo, tập thể Ban lãnh đạo cùng CB CNV toàn Công ty sẽ nỗ lực vượt qua mọi khó khăn thử thách quyết tâm hoàn thành thắng lợi mục tiêu kế hoạch năm 2026 đã đề ra.

5. Giải trình của Ban Giám đốc đối với ý kiến kiểm toán: Không

6. Báo cáo đánh giá liên quan đến trách nhiệm về môi trường và xã hội của Công ty

a) Đánh giá liên quan đến các chỉ tiêu môi trường:

Công ty luôn thực hiện tốt các quy định của nhà nước và địa phương trong việc bảo vệ môi trường. Đặc biệt, các công trình thi công tại nhà máy tiết kiệm năng lượng, giữ gìn và bảo vệ môi trường

b) Đánh giá liên quan đến vấn đề người lao động:

Đảm bảo quyền lợi của người lao động như luật an toàn vệ sinh lao động, thực hiện chế độ thời giờ làm việc và nghỉ ngơi. Công ty hướng tới việc xây dựng môi trường làm việc tốt nhất cho người lao động, đảm bảo an toàn vệ sinh lao động.

c) Đánh giá liên quan đến trách nhiệm của doanh nghiệp đối với cộng đồng địa phương:

Công ty luôn chấp hành tốt mọi quy định về luật bảo vệ môi trường.

IV. Đánh giá của Hội đồng quản trị về hoạt động của Công ty

1. Đánh giá của Hội đồng quản trị về các mặt hoạt động của Công ty:

Năm 2025 là năm có nhiều khó khăn và thử thách đối với các doanh nghiệp nói chung và Công ty Cổ phần Lắp máy – Thí nghiệm Cơ điện nói riêng. Với sự chỉ đạo sáng tạo và linh hoạt của ban lãnh đạo Công ty, sự điều hành có tính kế hoạch cao và hiệu quả của hệ thống quản lý, sự đoàn kết thống nhất các mục tiêu và sự tin tưởng, nỗ lực cố gắng của các đơn vị toàn Công ty.

Công tác đảm bảo tài chính, thu xếp vốn đã đáp ứng tốt cho tất cả nhu cầu hoạt động SXKD và đầu tư của Công ty. Tuy công tác thu hồi vốn trong năm đã gặp không ít những khó khăn từ phía chủ đầu tư nhưng các khoản thanh toán cho tất cả các đối tượng công nợ đều được kịp thời. Công tác lập kế hoạch tài chính ngắn và trung hạn, quản lý dòng tiền, nâng cao hiệu quả sử dụng vốn đều được thực hiện nghiêm túc, đồng bộ đã góp phần nâng cao năng lực công tác quản lý tài chính, nâng cao hiệu quả trong sản xuất kinh doanh.

Trong tình hình khó khăn đã dự báo và dự đoán được một số tình hình và tập hợp được sức mạnh của phần lớn cán bộ nên công việc của Công ty được giải quyết 1 cách nhanh chóng và hiệu quả hơn. Bước đầu đã giải quyết được một số vấn đề tồn tại. Hoạt động của BGĐ đúng theo sự chỉ đạo, điều lệ công ty. BGĐ chỉ đạo sản xuất kinh doanh đúng theo nghị quyết hội đồng quản trị đưa ra. BGĐ đã triển khai đầy đủ nghiêm túc các nghị quyết của HĐQT, thực hiện đúng theo chính sách của pháp luật trong hoạt động sản xuất kinh doanh. Bên cạnh những cố gắng trên còn một số vấn đề cần quan tâm như: Cần kiên quyết hơn trong điều hành với mục tiêu đề ra và phân công, phân cấp kiểm tra công việc đảm bảo cho bộ máy hoạt động hiệu quả hơn.

3. Các kế hoạch, định hướng của Hội đồng quản trị

Năm 2026 và những năm tiếp theo Công ty tiếp tục phát huy những thành quả và sức mạnh mà Công ty đã giành được trong những năm qua. Công ty sẽ có nhiều điều kiện thuận lợi, cơ hội để tiếp tục đầu tư, xây dựng và phát triển, đồng thời Công ty sẵn sàng đối mặt với những khó khăn, thách thức do ảnh hưởng của nền kinh tế mang lại, khắc phục khó khăn nội tại của Công ty, vận dụng thời cơ trong hoạt động SXKD và đầu tư để tiếp tục tăng trưởng, tiếp tục thành công.

Năm 2026 Công ty tập trung vào 3 mục tiêu lớn là:

- Tạo đủ công ăn việc làm cho CB CNV, tăng trưởng ổn định, kiểm soát tốt tình hình tài chính.
- Thực hiện đầu tư và hợp tác đầu tư thận trọng, hiệu quả.
- Hoàn thành xây dựng chiến lược Công ty, tiếp tục nâng cao năng lực quản trị của hệ thống, tiếp tục thực hiện tốt công tác tuyển dụng, đào tạo cùng với việc xây dựng văn hóa Công ty để nâng cao chất lượng nguồn nhân lực đáp ứng yêu cầu hiện tại và phát triển giai đoạn tiếp theo.

V. Quản trị công ty:

1. Hội đồng quản trị

a) Thành viên và cơ cấu của Hội đồng quản trị

STT	Họ và tên	Chức vụ	Số cổ phần sở hữu tại ngày 31/12/2025(chốt ngày 13/05/2025)	
			Số lượng	Tỷ lệ (%)
1	Nguyễn Thành Đại	Chủ tịch HĐQT (Bắt đầu từ 27/02/2025)	0	0
2	Vũ Hoàng Tùng	Thành viên HĐQT	286.350	19.09
3	Vũ Anh Tuấn	Thành viên HĐQT (Bắt đầu từ 27/02/2025)	350.173	23.34

Hội đồng quản trị gồm 03 thành viên, trong đó: 01 thành viên hoạt động độc lập không tham gia điều hành.

b) Các tiểu ban thuộc Hội đồng quản trị: HĐQT không thành lập các tiểu ban

c) Hoạt động của Hội đồng quản trị

Năm 2025 thường xuyên theo dõi, giám sát chặt chẽ sự chỉ đạo điều hành của Ban Tổng Giám Đốc tuân thủ theo đúng điều lệ của Công ty và pháp luật của Nhà nước, đơn đốc thực hiện việc chỉ đạo SXKD đúng với nội dung nghị quyết Đại hội đồng cổ đông và các nghị quyết của HĐQT

- Các cuộc họp của Hội đồng quản trị:

STT	Thành viên HĐQT	Chức vụ	Ngày bắt đầu không còn là thành viên HĐQT	Số buổi họp HĐQT tham dự	Tỷ lệ	Lý do không tham dự
1	Ông Nguyễn Thành Đại	CT HĐQT		6	100%	Bổ nhiệm ngày 27/02/2025
2	Ông Vũ Hoàng Tùng	TV HĐQT		9	100%	
3	Ông Vũ Anh Tuấn	TV HĐQT		6	100%	Bổ nhiệm ngày 27/02/2025
4	Phạm Văn Tuyền	CT HĐQT		01	100%	Nghỉ từ 27/02/2025

- Các nghị quyết/quyết định của Hội đồng quản trị

STT	Số Nghị quyết/ Quyết định	Ngày	Nội dung
1	04/2025/NQ-HĐQT	06/02/2025	- Thông qua nội dung Đại hội cổ đông bất thường lần 1 năm 2025
			- Bầu ông Nguyễn Thành Đại làm Chủ tịch HĐQT, kể từ ngày 27/02/2025

			<ul style="list-style-type: none"> - Miễn nhiệm chức vụ người phụ trách quản trị công ty kiêm thư ký đối với Ông Lê Biên Cương, kể từ ngày 27/02/2025 - Bổ nhiệm bà Vũ Thị Thu Hoài giữ chức vụ Người phụ trách quản trị công ty kiêm thư ký công ty, kể từ ngày 27/02/2025 - Miễn nhiệm chức vụ Tổng giám đốc đối với Ông Lê Văn Định - Bổ nhiệm ông Vũ Hoàng Tùng, giữ chức vụ TGD công ty, kể từ ngày 27/02/2025 - Miễn nhiệm chức vụ phó TGD đối với ông Nguyễn Thành Đại, kể từ ngày 27/02/2025 - Bổ nhiệm ông Trần Thanh Điền, giữ chức vụ Phó TGD công ty, kể từ ngày 27/02/2025 - Miễn nhiệm chức vụ kế toán trưởng đối với ông Vũ Hoàng Tùng, kể từ ngày 27/02/2025 - Giao TGD bổ nhiệm bà Lê Thị Chi, giữ chức vụ Phó trưởng phòng phụ trách phòng tài chính kế toán công ty
3	24/2025/NQ-HĐQT	09/04/2025	- Thông qua việc gia hạn thời gian tổ chức Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2025
4	27/2025/NQ-HĐQT	10/04/2025	<ul style="list-style-type: none"> - Thống nhất ngày đăng ký cuối cùng vào ngày 31/03/2025 - Dự kiến ngày tổ chức đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2025 vào ngày 26/06/2025
5	35/2025/NQ-HĐQT	30/06/2025	- Thông qua việc phê duyệt lựa chọn đơn vị kiểm toán Báo cáo tài chính năm 2025
6	38/2025/NQ-HĐQT	15/08/2025	<ul style="list-style-type: none"> - Kết quả thực hiện SXKD quý 2 năm 2025 - Kế hoạch SXKD quý 3 năm 2025 - Thông qua việc vay vốn phục vụ sản xuất kinh doanh
7	40/2025/NQ-HĐQT	20/10/2025	<ul style="list-style-type: none"> - Kết quả thực hiện SXKD quý 3 năm - Kết quả SXKD quý 4 năm 2025

2. Ban kiểm soát

Tỷ lệ sở hữu cổ phần:

STT	Họ và tên	Chức vụ	Số cổ phần sở hữu tại ngày 31/12/2025	
			Số lượng	Tỷ lệ (%)
1	Lê Tuấn Anh	Trưởng BKS	2.000	0.13
2	Lê Thúy Hồng	Thành viên BKS	0	0
3	Bùi Văn Giang	Thành viên BKS	0	0

Hoạt động của Ban kiểm soát:

Ban kiểm soát đã thực hiện công việc theo quyền hạn và nhiệm vụ được quy định nhằm kiểm tra, giám sát việc chấp hành pháp luật, thực hiện Điều lệ Công ty, các Nghị quyết, Quyết định của Đại hội đồng cổ đông và Hội đồng quản trị Công ty. Các công việc cụ thể thực hiện:

- Ban kiểm soát đã tổ chức 04 cuộc họp định kỳ, đã phân công cho các thành viên theo dõi, giám sát việc thực hiện từng mặt công tác theo các lĩnh vực hoạt động và điều hành của Hội đồng quản trị, Ban Tổng giám đốc về hoạt động sản xuất kinh doanh, các quy chế, quy trình, các nghị quyết, quyết định.
- Kiểm tra, thẩm định báo cáo tài chính 4 quý năm 2025 của Công ty, báo cáo tài chính bán niên năm 2025 đã được soát xét và báo cáo tài chính năm 2025 đã kiểm toán của công ty kiểm toán.
- Tham gia Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2025.
- Tham gia các cuộc họp của Hội đồng quản trị Công ty.
- Theo dõi tình hình qua các nghị quyết, quyết định, kiểm soát việc ban hành và thực hiện các quy chế hoạt động của HĐQT, Ban điều hành, quy trình nghiệp vụ của Công ty.
- Giám sát hoạt động và việc tuân thủ theo quy định của pháp luật và điều lệ Công ty đối với HĐQT, Ban Tổng giám đốc, người quản lý trong việc quản lý và điều hành Công ty.

Ban kiểm soát gồm 03 thành viên, trong đó: cả 03 thành viên hoạt động độc lập không tham gia điều hành

3. Các giao dịch, thù lao và các khoản lợi ích của Hội đồng quản trị, Ban giám đốc và Ban kiểm soát:

3.1 Lương, thưởng, thù lao, các khoản lợi ích:

Nhằm đảm bảo quyền lợi và trách nhiệm của Hội đồng quản trị, ban kiểm soát đối với việc quản trị, điều hành và kiểm soát quá trình hoạt động sản xuất kinh doanh của công ty. Tại Đại hội cổ đông thường niên năm 2025 (ngày 27/02/2025) đã thông qua mức thù lao cho các thành viên Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát theo các mức như sau:

Thù lao một tháng của Chủ tịch HĐQT 24.700.000 đồng, thành viên HĐQT 5.500.000 đồng,

Trưởng ban kiểm soát 17.000.000 đồng, thành viên Ban kiểm soát 3.000.000 đồng

STT	Họ và tên	Thành phần	Thu nhập năm 2025	Ghi chú
4	Nguyễn Thành Đại	Chủ tịch HĐQT	281.000.000	
5	Vũ Hoàng Tùng	TGD - TVHĐQT	280.000.000	
	Trần Thanh Điền	Phó TGD	170.000.000	
	Nguyễn Sỹ Thành	Phó TGD	204.000.000	
6	Vũ Anh Tuấn	Thành viên HĐQT	235.000.000	
8	Lê Tuấn Anh	Trưởng Ban kiểm soát	204.000.000	
9	Lê Thúy Hồng	Thành viên Ban kiểm soát	36.000.000	
11	Bùi Văn Giang	Thành viên Ban kiểm soát	36.000.000	
13	Phạm Văn Tuyền	Chủ tịch Hội đồng quản trị	24.700.000	
	Tổng cộng		1.470.700.000	

3.2 Giao dịch cổ phần của giao dịch nội bộ và những người có liên quan

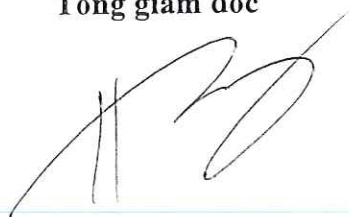
TT	Người thực hiện giao dịch	Quan hệ với cổ đông nội bộ	Số cổ phiếu sở hữu đầu kỳ		Số cổ phiếu sở hữu cuối kỳ		Lý do tăng, giảm(mua, bán, chuyển đổi, thưởng,...)
			Số cổ phiếu	Tỷ lệ (%)	Số cổ phiếu	Tỷ lệ (%)	
1	Phạm Văn Tuyền	Chủ tịch HĐQT	350.111	23.34			Bán cổ phiếu
2	Vũ Anh Tuấn	Trưởng phòng tổ chức	0	0	350.173	23.34	Mua cổ phiếu

VI- Báo cáo Tài Chính: (đính kèm)

Hà Nội, ngày tháng năm 2026

TM. Ban giám đốc

Tổng giám đốc



Vũ Hoàng Tùng

TM. Hội đồng quản trị

Chủ tịch HĐQT



Nguyễn Thành Đại

**CÔNG TY CỔ PHẦN LẮP MÁY – THÍ NGHIỆM
CƠ ĐIỆN**

Báo cáo tài chính đã được kiểm toán
cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025

MỤC LỤC

	Trang
BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC	1 - 2
BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP	3 - 4
BÁO CÁO TÀI CHÍNH ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN	
Bảng cân đối kế toán	5 - 7
Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh	7
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ	8
Thuyết minh Báo cáo tài chính	9 - 35

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Lắp máy – Thí nghiệm Cơ điện (sau đây gọi tắt là "Công ty") trình bày Báo cáo của mình cùng với Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025.

THÔNG TIN CÔNG TY

Công ty Cổ phần Lắp máy – Thí nghiệm Cơ điện được thành lập từ việc cổ phần hóa Công ty Lắp máy và Thí nghiệm Cơ điện thuộc Tổng Công ty Lắp máy Việt Nam theo Quyết định số 54/QĐ-BXD ngày 08/01/2004 của Bộ Xây dựng. Công ty hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp Công ty Cổ phần lần đầu số 0100106458 ngày 05/3/2004 và đăng ký thay đổi lần thứ 13 ngày 04/3/2025 do Sở Kế hoạch và Đầu tư (nay là Sở Tài chính) Thành phố Hà Nội cấp.

CÁC THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, BAN KIỂM SOÁT VÀ BAN ĐIỀU HÀNH

Các thành viên Hội đồng Quản trị, Ban Kiểm soát, Tổng Giám đốc và Kế toán trưởng Công ty trong năm tài chính và cho đến ngày lập báo cáo này bao gồm:

Hội đồng Quản trị

Họ và tên	Chức vụ	Ngày bổ nhiệm/ Miễn nhiệm
Ông Nguyễn Thành Đại	Chủ tịch	Bổ nhiệm ngày 27/02/2025
Ông Phạm Văn Tuyền	Chủ tịch	Miễn nhiệm ngày 27/02/2025
Ông Vũ Hoàng Tùng	Thành viên	
Ông Vũ Anh Tuấn	Thành viên	Bổ nhiệm ngày 27/02/2025
Ông Lê Văn Định	Thành viên	Miễn nhiệm ngày 27/02/2025

Ban Kiểm soát

Họ và tên	Chức vụ
Ông Lê Tuấn Anh	Trưởng ban
Bà Lê Thúy Hồng	Thành viên
Ông Bùi Văn Giang	Thành viên

Ban Điều hành

Họ và tên	Chức vụ	Ngày bổ nhiệm/ Miễn nhiệm
Ông Vũ Hoàng Tùng	Tổng Giám đốc	Bổ nhiệm ngày 27/02/2025
Ông Nguyễn Sỹ Thành	Phó Tổng Giám đốc	
Ông Nguyễn Thành Đại	Phó Tổng Giám đốc	Miễn nhiệm ngày 27/02/2025
Ông Trần Thanh Điền	Phó Tổng Giám đốc	Bổ nhiệm ngày 27/02/2025

Đại diện pháp luật

Ông Nguyễn Thành Đại được giao phụ trách điều hành Công ty từ ngày 09/12/2024 đến ngày 27/02/2025 theo Quyết định số 65/2025/QĐ-HĐQT ngày 09/12/2024 của Hội đồng Quản trị Công ty Cổ phần Lắp máy – Thí nghiệm Cơ điện.

Người đại diện theo pháp luật của Công ty từ ngày 27/02/2025 đến thời điểm lập báo cáo này là: Ông Vũ Hoàng Tùng – Tổng Giám đốc Công ty.

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC (TIẾP THEO)

KIỂM TOÁN VIÊN

Công ty TNHH Kiểm toán và Định giá Quốc tế được chỉ định là kiểm toán viên thực hiện kiểm toán Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025 của Công ty.

CÔNG BỐ TRÁCH NHIỆM CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC ĐỐI VỚI BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Ban Tổng Giám đốc Công ty có trách nhiệm lập Báo cáo tài chính phản ánh một cách trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2025, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính. Trong việc lập Báo cáo tài chính này, Ban Tổng Giám đốc được yêu cầu phải:

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách đó một cách nhất quán;
- Đưa ra các xét đoán và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các nguyên tắc kế toán thích hợp có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu cần được công bố và giải thích trong Báo cáo tài chính hay không;
- Lập Báo cáo tài chính trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh; và
- Thiết kế và thực hiện hệ thống kiểm soát nội bộ một cách hữu hiệu cho mục đích lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp lý nhằm hạn chế rủi ro và gian lận.

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm đảm bảo rằng sổ kế toán được ghi chép một cách phù hợp để phản ánh một cách hợp lý tình hình tài chính của Công ty ở bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng Báo cáo tài chính tuân thủ chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính. Ban Tổng Giám đốc cũng chịu trách nhiệm đảm bảo an toàn cho tài sản của Công ty và thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và sai phạm khác.

Ban Tổng Giám đốc xác nhận rằng Công ty đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập Báo cáo tài chính.

CAM KẾT VỀ CÔNG BỐ THÔNG TIN

Ban Tổng Giám đốc cam kết rằng Công ty tuân thủ Nghị định 155/2020/NĐ-CP ngày 31/12/2020 quy định chi tiết thi hành một số điều của luật chứng khoán. Công ty không vi phạm nghĩa vụ công bố thông tin theo quy định tại Thông tư số 96/2020/TT-BTC ngày 16/11/2020 của Bộ Tài chính hướng dẫn về việc công bố thông tin trên Thị trường chứng khoán và Thông tư số 68/2025/TT-BTC ngày 18/09/2025 của Bộ Tài Chính về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của các thông tư quy định về giao dịch chứng khoán trên hệ thống giao dịch chứng khoán; bù trừ và thanh toán giao dịch chứng khoán; hoạt động của công ty chứng khoán và công bố thông tin trên thị trường chứng khoán.

Thay mặt và đại diện cho Ban Tổng Giám đốc,



Ông Vũ Hoàng Tùng
Tổng Giám đốc
Hà Nội, ngày 23 tháng 3 năm 2026

Số: 30069/2025/BCTC/IAV

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

Kính gửi: Các cổ đông, Hội đồng Quản trị,
Ban Kiểm soát và Ban Tổng Giám đốc
Công ty Cổ phần Lắp máy - Thí nghiệm Cơ điện

Chúng tôi đã kiểm toán Báo cáo tài chính kèm theo của Công ty Cổ phần Lắp máy - Thí nghiệm Cơ điện (gọi tắt là "Công ty"), được lập ngày 23 tháng 3 năm 2026, từ trang 5 đến trang 35, bao gồm Bảng cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2025, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và các thuyết minh Báo cáo tài chính kèm theo.

Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý Báo cáo tài chính của Công ty theo chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về Báo cáo tài chính dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các Chuẩn mực Kiểm toán Việt Nam. Các Chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu Báo cáo tài chính của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên Báo cáo tài chính. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong Báo cáo tài chính do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Tổng Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể Báo cáo tài chính.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP (TIẾP THEO)

Ý kiến của Kiểm toán viên

Theo ý kiến chúng tôi, Báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2025, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.



ĐẶNG NGỌC KHÁNH

Phó Giám đốc

Giấy CN ĐKHN kiểm toán số: 2505-2024-283-1

CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN VÀ ĐỊNH GIÁ QUỐC TẾ

Hà Nội, ngày 23 tháng 3 năm 2026

TRƯƠNG VIỆT ANH

Kiểm toán viên

Giấy CN ĐKHN kiểm toán số: 5641-2023-283-1

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2025

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm VND	Số đầu năm VND
A. TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		86.045.900.701	101.743.402.869
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110	4.1	195.491.879	3.815.923.335
1. Tiền	111		195.491.879	3.815.923.335
II. Đầu tư tài chính ngắn hạn	120		-	-
III. Các khoản phải thu ngắn hạn	130		63.809.726.776	58.605.976.446
1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	4.2	62.920.828.241	57.673.141.014
2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	132	4.3	292.048.651	697.706.111
3. Phải thu ngắn hạn khác	136	4.4	4.255.188.306	3.893.467.743
4. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	137	4.5	(3.658.338.422)	(3.658.338.422)
IV. Hàng tồn kho	140	4.6	22.026.871.764	39.317.114.100
1. Hàng tồn kho	141		22.026.871.764	39.317.114.100
V. Tài sản ngắn hạn khác	150		13.810.282	4.388.988
1. Thuế GTGT được khấu trừ	152		13.810.282	4.388.988
B. TÀI SẢN DÀI HẠN	200		19.832.601.791	20.703.312.436
I. Các khoản phải thu dài hạn	210		1.493.933.004	1.391.487.039
1. Phải thu dài hạn khác	216	4.4	1.493.933.004	1.391.487.039
II. Tài sản cố định	220		17.790.978.768	18.723.820.403
1. Tài sản cố định hữu hình	221	4.7	1.523.352.391	2.456.194.026
- Nguyên giá	222		45.461.686.469	45.731.186.469
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(43.938.334.078)	(43.274.992.443)
2. Tài sản cố định vô hình	227	4.8	16.267.626.377	16.267.626.377
- Nguyên giá	228		16.267.626.377	16.267.626.377
- Giá trị hao mòn lũy kế	229		-	-
III. Bất động sản đầu tư	230		-	-
IV. Tài sản dở dang dài hạn	240		-	-
V. Đầu tư tài chính dài hạn	250		500.000.000	500.000.000
1. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	255	4.9	500.000.000	500.000.000
VI. Tài sản dài hạn khác	260		47.690.019	88.004.994
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	4.10	47.690.019	88.004.994
TỔNG CỘNG TÀI SẢN (270 = 100 + 200)	270		105.878.502.492	122.446.715.305

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (TIẾP THEO)

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2025

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm VND	Số đầu năm VND
C. NỢ PHẢI TRẢ	300		75.194.011.642	91.900.327.208
I. Nợ ngắn hạn	310		75.194.011.642	91.900.327.208
1. Phải trả người bán ngắn hạn	311	4.11	5.865.353.775	6.160.470.375
2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312		856.870	627.832.870
3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	4.12	4.775.214.756	3.198.014.544
4. Phải trả người lao động	314		2.268.302.711	1.134.114.443
5. Chi phí phải trả ngắn hạn	315	4.13	10.789.765.874	8.870.404.258
6. Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn	318	4.14	540.000.000	1.620.000.000
7. Phải trả ngắn hạn khác	319	4.15	50.902.161.756	27.869.259.077
8. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320	4.16	52.355.900	42.420.231.641
II. Nợ dài hạn	330		-	-
D. VỐN CHỦ SỞ HỮU	400		30.684.490.850	30.546.388.097
I. Vốn chủ sở hữu	410	4.17	30.684.490.850	30.546.388.097
1. Vốn góp của chủ sở hữu	411		15.000.000.000	15.000.000.000
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		15.000.000.000	15.000.000.000
2. Vốn khác của chủ sở hữu	414		740.110.441	740.110.441
3. Cổ phiếu quỹ	415		(544.500)	(544.500)
4. Quỹ đầu tư phát triển	418		9.261.380.572	9.239.747.012
5. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		5.683.544.337	5.567.075.144
- LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối năm trước	421a		5.529.314.612	5.480.540.903
- LNST chưa phân phối năm nay	421b		154.229.725	86.534.241
II. Nguồn kinh phí và quỹ khác	430		-	-
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN (440=300+400)	440		105.878.502.492	122.446.715.305

LNC

Người lập biểu
Lê Thị Chi

LNC

Phụ trách kế toán
Lê Thị Chi



Tổng Giám đốc
Vũ Hoàng Tùng
Hà Nội, Việt Nam
Ngày 23 tháng 3 năm 2026

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm nay VND	Năm trước VND
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	5.1	54.060.951.862	37.677.603.513
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02		-	-
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ (10 = 01 - 02)	10		54.060.951.862	37.677.603.513
4. Giá vốn hàng bán	11	5.2	45.308.756.363	27.423.483.526
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ (20 = 10 - 11)	20		8.752.195.499	10.254.119.987
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	5.3	31.956.863	32.866.630
7. Chi phí tài chính	22	5.4	3.260.927.674	4.357.824.106
<i>Trong đó: Chi phí lãi vay</i>	23		3.260.912.767	4.357.373.130
8. Chi phí bán hàng	25		-	-
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	5.5	5.868.162.745	5.951.341.458
10. Lỗ từ hoạt động kinh doanh {30 = 20 + (21 - 22) - (25 + 26)}	30		(344.938.057)	(22.178.947)
11. Thu nhập khác	31	5.6	1.336.397.739	1.328.521.164
12. Chi phí khác	32	5.7	222.140.855	432.242.429
13. Lợi nhuận khác (40 = 31 - 32)	40		1.114.256.884	896.278.735
14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế (50=30+40)	50		769.318.827	874.099.788
15. Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	5.8	615.089.102	787.565.547
16. Chi phí thuế TNDN hoãn lại	52		-	-
17. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp (60 = 50 - 51 - 52)	60		154.229.725	86.534.241
18. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	5.9	93	52
19. Lãi suy giảm trên cổ phiếu	71	5.9	93	52

Lnc

Người lập biểu
Lê Thị Chi

Lnc

Phụ trách kế toán
Lê Thị Chi



Tổng Giám đốc
Vũ Hoàng Tùng
Hà Nội, Việt Nam
Ngày 23 tháng 3 năm 2026

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025
(theo phương pháp trực tiếp)

CHỈ TIÊU	Mã số	TM	Năm nay VND	Năm trước VND
I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH				
1. Tiền thu bán hàng, cung cấp dịch vụ và doanh thu khác	01		46.956.035.354	51.728.003.405
2. Tiền chi trả cho người cung cấp hàng hoá dịch vụ	02		(3.943.735.525)	(20.413.291.574)
3. Tiền chi trả cho người lao động	03		(2.945.782.485)	(5.501.298.245)
4. Tiền lãi vay đã trả	04		(2.738.581.239)	(3.459.112.002)
5. Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	05		(795.039.095)	(474.045.104)
6. Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	06		928.014.713	7.004.302.540
7. Tiền chi khác cho hoạt động sản xuất kinh doanh	07		(16.104.599.394)	(13.620.416.235)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20		21.356.312.329	15.264.142.785
II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ				
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác	21		-	(211.260.000)
2. Thu từ thanh lý, nhượng bán tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác	22		87.800.000	-
3. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27		31.831.475	32.721.163
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30		119.631.475	(178.538.837)
III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH				
1. Tiền thu từ đi vay	33	6.1	24.233.500.000	30.404.749.479
2. Tiền trả nợ gốc vay	34	6.2	(49.329.985.741)	(42.911.881.474)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40		(25.096.485.741)	(12.507.131.995)
Lưu chuyển tiền thuần trong năm (50=20+30+40)	50		(3.620.541.937)	2.578.471.953
Tiền và tương đương tiền đầu năm	60		3.815.923.335	1.237.421.159
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61		110.481	30.223
Tiền và tương đương tiền cuối năm (70=50+60+61)	70		195.491.879	3.815.923.335

Người lập biểu
Lê Thị Chi

Phụ trách kế toán
Lê Thị Chi

Tổng Giám đốc
Vũ Hoàng Tùng
Hà Nội, Việt Nam
Ngày 23 tháng 3 năm 2026

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với các Báo cáo tài chính kèm theo.

1. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA DOANH NGHIỆP

1.1. Hình thức sở hữu vốn

Công ty Cổ phần Lắp máy – Thí nghiệm Cơ điện được thành lập từ việc cổ phần hóa Công ty Lắp máy và Thí nghiệm Cơ điện thuộc Tổng Công ty Lắp máy Việt Nam theo Quyết định số 54/QĐ-BXD ngày 08/01/2004 của Bộ Xây dựng. Công ty hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp Công ty Cổ phần lần đầu số 0100106458 ngày 05/3/2004 và đăng ký thay đổi lần thứ 13 ngày 04/3/2025 do Sở Kế hoạch và Đầu tư (nay là Sở Tài chính) Thành phố Hà Nội cấp.

Vốn điều lệ của Công ty là: 15.000.000.000 đồng (Bằng chữ: Mười lăm tỷ đồng). Tổng số cổ phần là 1.500.000 cổ phần.

Danh sách cổ đông tại ngày 31/12/2025 như sau:

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Vốn thực góp	Tỷ lệ	Vốn thực góp	Tỷ lệ
	VND	%	VND	%
Công ty Lắp máy Việt Nam - CTCP	5.427.500.000	36,18%	5.427.500.000	36,18%
Ông Vũ Anh Tuấn	3.501.730.000	23,34%	-	0,00%
Ông Phạm Văn Tuyền	-	0,00%	3.501.110.000	
Ông Vũ Hoàng Tùng	2.863.500.000	19,09%	2.863.500.000	19,09%
Bà Vũ Thị Thúy Giang	2.550.000.000	17,00%	2.550.000.000	17,00%
Cổ phiếu quỹ	550.000	0,01%	550.000	23,35%
Các cổ đông khác	656.720.000	4,38%	657.340.000	4,38%
	15.000.000.000	100,00%	15.000.000.000	100,00%

Tổng số nhân viên của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2025 là 75 người (ngày 31 tháng 12 năm 2024: 101 người).

1.2. Lĩnh vực kinh doanh

Lĩnh vực kinh doanh chính của Công ty là Dịch vụ xây lắp.

1.3. Ngành nghề kinh doanh

Ngành nghề kinh doanh của Công ty bao gồm:

- Sửa chữa máy móc, thiết bị; Lắp đặt máy móc và thiết bị công nghiệp;
- Pha dỡ, chuẩn bị mặt bằng; Lắp đặt hệ thống điện;
- Lắp đặt hệ thống xây dựng khác; Hoàn thiện công trình xây dựng;
- Xây dựng nhà để ở; Xây dựng nhà không để ở; Xây dựng công trình đường sắt;
- Xây dựng công trình đường bộ; Xây dựng công trình công ích khác;
- Hoạt động xây dựng chuyên dụng khác; Bán buôn đồ dùng khác cho gia đình;
- Xây dựng công trình kỹ thuật dân dụng khác.

1.4. Chu kỳ kinh doanh thông thường

Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường của Công ty không quá 12 tháng.

1.5. Tuyên bố về khả năng so sánh thông tin trên Báo cáo tài chính

Số liệu trình bày trong Báo cáo tài chính của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025 so sánh được với số liệu tương ứng của năm trước.

2. CƠ SỞ LẬP BÁO CÁO TÀI CHÍNH VÀ KỲ KẾ TOÁN

2.1. Cơ sở lập Báo cáo tài chính

Báo cáo tài chính kèm theo được trình bày bằng Đồng Việt Nam (VND), theo nguyên tắc giá gốc và phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

Báo cáo tài chính kèm theo không nhằm phản ánh tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán được chấp nhận chung tại các nước khác ngoài Việt Nam.

2.2. Giả định hoạt động liên tục

Không có bất kỳ sự kiện nào gây ra sự nghi ngờ lớn về khả năng hoạt động liên tục và Công ty không có ý định cũng như buộc phải ngừng hoạt động, hoặc phải thu hẹp đáng kể quy mô hoạt động của mình.

2.3. Năm tài chính

Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 hàng năm.

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU

3.1. Ước tính kế toán

Việc lập Báo cáo tài chính tuân thủ theo chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính yêu cầu Ban Tổng Giám đốc phải có những ước tính và giả định ảnh hưởng đến số liệu báo cáo về công nợ, tài sản và việc trình bày các khoản công nợ và tài sản tiềm tàng tại ngày lập Báo cáo tài chính cũng như các số liệu báo cáo về doanh thu và chi phí trong suốt năm tài chính. Mặc dù các ước tính kế toán được lập bằng tất cả sự hiểu biết của Ban Tổng Giám đốc, số thực tế phát sinh có thể khác với các ước tính, giả định đặt ra.

3.2. Các giao dịch bằng ngoại tệ

Các nghiệp vụ phát sinh bằng các đơn vị tiền tệ khác với đơn vị tiền tệ kế toán của Công ty (USD) được hạch toán theo tỷ giá giao dịch thực tế vào ngày phát sinh nghiệp vụ theo nguyên tắc sau:

- Nghiệp vụ làm phát sinh các khoản phải thu được hạch toán theo tỷ giá mua của ngân hàng thương mại nơi Công ty chỉ định khách hàng thanh toán;
- Nghiệp vụ làm phát sinh các khoản phải trả được hạch toán theo tỷ giá bán của ngân hàng thương mại nơi Công ty dự kiến giao dịch; và
- Giao dịch mua sắm tài sản hoặc các khoản chi phí được thanh toán ngay bằng ngoại tệ (không qua các tài khoản phải trả) được hạch toán theo tỷ giá mua của ngân hàng thương mại nơi doanh nghiệp thực hiện thanh toán.

Tỷ giá sử dụng để đánh giá lại số dư các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại ngày kết thúc năm tài chính được xác định theo nguyên tắc sau:

- Các khoản mục tiền tệ được phân loại là tài sản được hạch toán theo tỷ giá mua của ngân hàng thương mại nơi Công ty thường xuyên có giao dịch; và
- Các khoản mục tiền tệ được phân loại là nợ phải trả được hạch toán theo tỷ giá bán của ngân hàng thương mại nơi Công ty thường xuyên có giao dịch.

3.2. Các giao dịch bằng ngoại tệ (Tiếp theo)

Tất cả các khoản chênh lệch tỷ giá thực tế phát sinh trong năm và chênh lệch do đánh giá lại số dư tiền tệ có gốc ngoại tệ cuối kỳ được hạch toán vào kết quả hoạt động kinh doanh.

3.3. Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, các khoản tiền gửi không kỳ hạn, các khoản đầu tư ngắn hạn, có khả năng thanh khoản cao, dễ dàng chuyển đổi thành tiền và ít rủi ro liên quan đến việc biến động giá trị.

3.4. Các khoản đầu tư tài chính

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn bao gồm các khoản đầu tư mà Công ty có ý định và khả năng giữ đến ngày đáo hạn. Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn bao gồm: các khoản tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn (bao gồm cả các loại tín phiếu, kỳ phiếu), trái phiếu, cổ phiếu ưu đãi bên phát hành bắt buộc phải mua lại tại một thời điểm nhất định trong tương lai và các khoản cho vay nắm giữ đến ngày đáo hạn với mục đích thu lãi hàng kỳ và các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn khác.

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được ghi nhận bắt đầu từ ngày mua và được xác định giá trị ban đầu theo giá mua và các chi phí liên quan đến giao dịch mua các khoản đầu tư. Thu nhập lãi từ các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn sau ngày mua được ghi nhận trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trên cơ sở dự thu. Lãi được hưởng trước khi Công ty nắm giữ được ghi giảm trừ vào giá gốc tại thời điểm mua.

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được xác định theo giá gốc trừ đi dự phòng phải thu khó đòi.

Dự phòng phải thu khó đòi của các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được trích lập theo các quy định kế toán hiện hành.

3.5. Các khoản phải thu

Nợ phải thu là số tiền có thể thu hồi của khách hàng hoặc các đối tượng khác. Nợ phải thu được trình bày theo giá trị ghi sổ trừ đi các khoản dự phòng phải thu khó đòi.

Dự phòng phải thu khó đòi được lập cho từng khoản nợ phải thu khó đòi căn cứ vào tuổi nợ quá hạn của các khoản nợ hoặc dự kiến mức tổn thất có thể xảy ra.

3.6. Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được xác định trên cơ sở giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí nguyên vật liệu trực tiếp, chi phí lao động trực tiếp và chi phí sản xuất chung, nếu có, để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại.

Giá gốc của hàng tồn kho được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền.

Giá trị thuần có thể thực hiện được được xác định bằng giá bán ước tính trừ các chi phí ước tính để hoàn thành sản phẩm cùng chi phí tiếp thị, bán hàng và phân phối phát sinh.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho của Công ty được trích lập theo các quy định kế toán hiện hành. Theo đó, Công ty được phép trích lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho lỗi thời, hỏng, kém phẩm chất và trong trường hợp giá gốc của hàng tồn kho cao hơn giá trị thuần có thể thực hiện được tại ngày kết thúc niên độ kế toán.

3.7. Tài sản cố định hữu hình

Tài sản cố định hữu hình được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định hình thành do mua sắm bao gồm giá mua và toàn bộ các chi phí khác liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Đối với tài sản cố định hình thành do đầu tư xây dựng cơ bản theo phương thức giao thầu hoặc tự xây dựng và sản xuất, nguyên giá là giá quyết toán công trình xây dựng theo quy chế quản lý đầu tư và xây dựng hiện hành, các chi phí khác có liên quan trực tiếp và lệ phí trước bạ (nếu có). Trường hợp dự án đã hoàn thành và đưa vào sử dụng nhưng quyết toán chưa được phê duyệt, nguyên giá tài sản cố định được ghi nhận theo giá tạm tính trên cơ sở chi phí thực tế đã bỏ ra để có được tài sản cố định. Nguyên giá tạm tính sẽ được điều chỉnh theo giá quyết toán được các cơ quan có thẩm quyền phê duyệt.

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng được ước tính cụ thể như sau:

Loại tài sản cố định	Năm nay [Số năm]
Nhà cửa, vật kiến trúc	08 – 20
Máy móc và thiết bị	05 – 08
Phương tiện vận tải, truyền dẫn	06 – 08
Thiết bị, dụng cụ quản lý	03 – 05
Tài sản cố định khác	03 – 20

Các tài sản cố định hữu hình được đánh giá lại khi có quyết định của Nhà nước hoặc cổ phần hóa doanh nghiệp Nhà nước. Nguyên giá và giá trị hao mòn lũy kế được điều chỉnh theo kết quả đánh giá lại đã được các cơ quan có thẩm quyền phê duyệt theo quy định.

Các khoản lãi, lỗ phát sinh khi thanh lý, bán tài sản là chênh lệch giữa thu nhập từ thanh lý và giá trị còn lại của tài sản và được ghi nhận vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.

3.8. Tài sản cố định vô hình

Tài sản cố định vô hình được thể hiện theo nguyên giá trừ hao mòn lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định vô hình bao gồm toàn bộ các chi phí mà Công ty phải bỏ ra để có được tài sản cố định tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Chi phí liên quan đến tài sản cố định vô hình phát sinh sau khi ghi nhận ban đầu được ghi nhận là chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ trừ khi các chi phí này gắn liền với một tài sản cố định vô hình cụ thể và làm tăng lợi ích kinh tế từ các tài sản này.

Khi tài sản cố định vô hình được bán hay thanh lý, nguyên giá và giá trị hao mòn lũy kế được xóa sổ và lãi, lỗ phát sinh do thanh lý được ghi nhận vào thu nhập hay chi phí trong năm.

Tài sản cố định vô hình của Công ty bao gồm:

Quyền sử dụng đất

Quyền sử dụng đất là toàn bộ các chi phí thực tế Công ty đã chi ra có liên quan trực tiếp tới đất sử dụng, bao gồm: tiền chi ra để có quyền sử dụng đất, chi phí cho đền bù, giải phóng mặt bằng, san lấp mặt bằng, lệ phí trước bạ,...

Quyền sử dụng đất không thời hạn không được tính khấu hao.

3.9. Chi phí trả trước

Chi phí trả trước bao gồm các chi phí thực tế đã phát sinh nhưng có liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều kỳ kế toán. Chi phí trả trước của Công ty bao gồm các chi phí sau:

Công cụ, dụng cụ

Các công cụ, dụng cụ đã đưa vào sử dụng được phân bổ vào chi phí theo phương pháp đường thẳng với thời gian phân bổ không quá 3 năm.

3.10. Các khoản nợ phải trả và chi phí phải trả

Các khoản nợ phải trả và chi phí phải trả được ghi nhận cho số tiền phải trả trong tương lai liên quan đến hàng hóa và dịch vụ đã nhận được. Chi phí phải trả được ghi nhận dựa trên các ước tính hợp lý về số tiền phải trả.

Việc phân loại các khoản phải trả là phải trả người bán, chi phí phải trả và phải trả khác được thực hiện theo nguyên tắc sau:

- Phải trả người bán phản ánh các khoản phải trả mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch mua hàng hóa, dịch vụ, tài sản và người bán là đơn vị độc lập với Công ty.
- Chi phí phải trả phản ánh các khoản phải trả cho hàng hóa, dịch vụ đã nhận được từ người bán hoặc đã cung cấp cho người mua nhưng chưa chi trả do chưa có hóa đơn hoặc chưa đủ hồ sơ, tài liệu kế toán và các khoản phải trả cho người lao động về tiền lương nghỉ phép, các khoản chi phí sản xuất, kinh doanh phải trích trước. Khi các chi phí đó phát sinh thực tế, nếu có chênh lệch với số đã trích, kế toán tiến hành ghi bổ sung hoặc ghi giảm chi phí tương ứng với phần chênh lệch.
- Phải trả khác phản ánh các khoản phải trả không có tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua, bán, cung cấp dịch vụ.

3.11. Vay và nợ phải trả thuê tài chính

Các khoản vay được theo dõi theo từng đối tượng cho vay, từng khế ước vay nợ và kỳ hạn phải trả của các khoản vay. Trường hợp vay nợ bằng ngoại tệ thì thực hiện theo dõi chi tiết theo nguyên tệ.

3.12. Chi phí đi vay

Chi phí đi vay được ghi nhận vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong năm khi phát sinh, trừ khi được vốn hoá theo quy định của Chuẩn mực kế toán Việt Nam số 16 "Chi phí đi vay". Theo đó, chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc mua, đầu tư xây dựng hoặc sản xuất những tài sản cần một thời gian tương đối dài để hoàn thành đưa vào sử dụng hoặc kinh doanh được cộng vào nguyên giá tài sản cho đến khi tài sản đó được đưa vào sử dụng hoặc kinh doanh. Các khoản thu nhập phát sinh từ việc đầu tư tạm thời các khoản vay được ghi giảm nguyên giá tài sản có liên quan. Đối với khoản vay riêng phục vụ việc xây dựng tài sản cố định, bất động sản đầu tư, lãi vay được vốn hóa kể cả khi thời gian xây dựng dưới 12 tháng.

3.13. Doanh thu chưa thực hiện

Doanh thu chưa thực hiện là khoản doanh thu nhận trước cho một hay nhiều kỳ kế toán chủ yếu bao gồm các khoản khách hàng trả trước tiền thuê tài sản cho nhiều kỳ. Công ty ghi nhận các khoản doanh thu chưa thực hiện tương ứng với phần nghĩa vụ mà Công ty sẽ phải thực hiện trong tương lai. Khi các điều kiện ghi nhận doanh thu được thỏa mãn, doanh thu chưa thực hiện sẽ được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trong năm tương ứng với phần thỏa mãn điều kiện ghi nhận doanh thu đó.

3.14. Vốn chủ sở hữu

Vốn góp của chủ sở hữu

Vốn đầu tư của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực tế đã góp của các cổ đông.

Cổ phiếu quỹ

Cổ phiếu quỹ là cổ phiếu do Công ty phát hành và được Công ty mua lại, cổ phiếu này không bị hủy bỏ và sẽ được tái phát hành trở lại trong khoảng thời gian theo quy định của pháp luật về chứng khoán. Cổ phiếu quỹ được ghi nhận theo giá trị thực tế mua lại và trình bày trên Bảng Cân đối kế toán tổng hợp là một khoản ghi giảm Vốn đầu tư của chủ sở hữu. Giá vốn của cổ phiếu quỹ khi tái phát hành hoặc khi sử dụng để trả cổ tức, thưởng... được tính theo phương pháp bình quân gia quyền.

3.15. Phân phối lợi nhuận

Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp được phân phối cho các cổ đông sau khi đã trích lập các quỹ theo Điều lệ của Công ty cũng như các quy định của pháp luật và đã được Đại hội đồng cổ đông phê duyệt.

Việc phân phối lợi nhuận cho các cổ đông được cân nhắc đến các khoản mục phi tiền tệ nằm trong lợi nhuận sau thuế chưa phân phối có thể ảnh hưởng đến luồng tiền và khả năng chi trả cổ tức như lãi do đánh giá lại tài sản mang đi góp vốn, lãi do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ, các công cụ tài chính và các khoản mục phi tiền tệ khác.

Cổ tức phải trả cho các cổ đông được ghi nhận là khoản phải trả trên Bảng Cân đối kế toán tổng hợp của Công ty sau khi có thông báo chia cổ tức của Hội đồng Quản trị Công ty được Đại hội đồng cổ đông phê duyệt và thông báo ngày chốt quyền nhận cổ tức của Trung tâm Lưu ký chứng khoán Việt Nam.

3.16. Ghi nhận doanh thu và thu nhập

Doanh thu cung cấp dịch vụ

Doanh thu của giao dịch cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi kết quả của giao dịch đó được xác định một cách đáng tin cậy. Trường hợp dịch vụ được thực hiện trong nhiều kỳ thì doanh thu được ghi nhận trong kỳ được căn cứ vào kết quả phần công việc đã hoàn thành vào ngày kết thúc kỳ kế toán. Kết quả của giao dịch cung cấp dịch vụ được xác định khi thỏa mãn tất cả các điều kiện sau:

- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn.
- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó.
- Xác định được phần công việc đã hoàn thành vào ngày kết thúc năm tài chính.
- Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

Doanh thu cho thuê tài sản hoạt động

Doanh thu cho thuê tài sản hoạt động được ghi nhận theo phương pháp đường thẳng trong suốt thời gian cho thuê. Tiền cho thuê nhận trước của nhiều kỳ được phân bổ vào doanh thu phù hợp với thời gian cho thuê.

Doanh thu hoạt động tài chính

Tiền lãi

Tiền lãi được ghi nhận trên cơ sở dồn tích, được xác định trên số dư các tài khoản tiền gửi và lãi suất thực tế từng kỳ.

Cổ tức và lợi nhuận được chia

Cổ tức và lợi nhuận được chia được ghi nhận khi Công ty được quyền nhận cổ tức hoặc lợi nhuận từ việc góp vốn. Cổ tức được nhận bằng cổ phiếu chỉ được theo dõi số lượng cổ phiếu tăng thêm.

3.17. Giá vốn bán hàng và cung cấp dịch vụ

Giá vốn hàng bán bao gồm giá vốn của sản phẩm, hàng hóa và dịch vụ cung cấp trong năm và được ghi nhận phù hợp với doanh thu đã tiêu thụ trong năm. Chi phí nguyên vật liệu trực tiếp tiêu hao vượt mức bình thường, chi phí nhân công, chi phí sản xuất chung cố định không phân bổ vào giá trị sản phẩm nhập kho, kế toán phải tính ngay vào giá vốn hàng bán (sau khi trừ đi các khoản bồi thường, nếu có) kể cả khi sản phẩm, hàng hóa chưa được xác định là tiêu thụ.

3.18. Chi phí quản lý doanh nghiệp

Chi phí quản lý doanh nghiệp phản ánh các chi phí thực tế phát sinh trong quá trình quản lý chung của Công ty chủ yếu bao gồm các chi phí về lương nhân viên bộ phận quản lý; bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, kinh phí công đoàn, bảo hiểm thất nghiệp của nhân viên quản lý; chi phí vật liệu văn phòng; chi phí khấu hao; chi phí dự phòng; dịch vụ mua ngoài và chi phí khác.

3.19. Thuế

Thuế thu nhập doanh nghiệp thể hiện tổng giá trị của số thuế phải trả hiện tại.

Số thuế phải trả hiện tại được tính dựa trên thu nhập chịu thuế trong năm. Thu nhập chịu thuế khác với lợi nhuận trước thuế được trình bày trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh vì thu nhập chịu thuế không bao gồm các khoản thu nhập hay chi phí tính thuế hoặc được khấu trừ trong các năm khác (bao gồm cả lỗ mang sang, nếu có) và ngoài ra không bao gồm các chỉ tiêu không chịu thuế hoặc không được khấu trừ.

Việc xác định thuế thu nhập của Công ty căn cứ vào các quy định hiện hành về thuế. Tuy nhiên, những quy định này thay đổi theo từng thời kỳ và việc xác định sau cùng về thuế thu nhập doanh nghiệp tùy thuộc vào kết quả kiểm tra của cơ quan thuế có thẩm quyền.

Các loại thuế khác được áp dụng theo các luật thuế hiện hành tại Việt Nam.

3.20. Các bên liên quan

Các bên được coi là liên quan nếu một bên có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định tài chính và hoạt động. Các bên cũng được coi là bên liên quan nếu cùng được kiểm soát chung hoặc cùng chịu sự ảnh hưởng đáng kể chung.

Trong việc xem xét mối quan hệ của các bên liên quan, bản chất của mối quan hệ được chú trọng nhiều hơn hình thức pháp lý.

4. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

4.1. Tiền và các khoản tương đương tiền

	Số cuối năm	Số đầu năm
	VND	VND
Tiền mặt	50.428.243	121.835.239
Tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn	145.063.636	3.694.088.096
	195.491.879	3.815.923.335

4.2. Phải thu ngắn hạn khách hàng

	Số cuối năm VND	Số đầu năm VND
Tổng Công ty Lắp máy Việt Nam - CTCP	15.559.349.415	10.522.789.822
Công ty TNHH Khanh Hoa Solar Energy	13.270.000.000	13.670.000.000
Công ty TNHH QTS Khánh Hòa	8.460.501.000	8.860.501.000
Công ty TNHH Thịnh Cường	5.865.000.000	6.065.000.000
Công ty TNHH Hiếu Trâm	5.685.501.000	5.885.501.000
Công ty CP LILAMA 69-1	4.730.041.295	4.730.041.295
Nhà máy in tiền Quốc Gia	3.091.748.476	-
Công ty CP LILAMA 5	830.472.447	830.472.447
Công ty CP LILAMA 7	646.397.657	646.397.657
Phải thu khách hàng khác	4.781.816.951	6.462.437.793
	62.920.828.241	57.673.141.014
Phải thu khách hàng ngắn hạn với các bên liên quan (chi tiết Thuyết minh số 7.4)	22.716.374.393	17.789.935.616

4.3. Trả trước cho người bán ngắn hạn

	Số cuối năm VND	Số đầu năm VND
Công ty TNHH Công Nghệ Năng Lượng Nam Việt	-	359.700.000
Công ty CP Nguồn Lực Nam Việt	238.048.651	238.048.651
Trả trước cho người bán là các đối tượng khác	54.000.000	99.957.460
	292.048.651	697.706.111

4.4. Phải thu khác

4.4.1. Phải thu ngắn hạn khác

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Giá trị VND	Dự phòng VND	Giá trị VND	Dự phòng VND
Tạm ứng	3.324.207.547	-	3.073.183.941	-
Phải thu về Bảo hiểm NLĐ, KPCĐ	12.054.600	-	12.054.600	-
Phải thu khác	918.926.159	-	808.229.202	-
	4.255.188.306	-	3.893.467.743	-
Phải thu ngắn hạn khác là các bên liên quan (chi tiết Thuyết minh số 7.4)	1.822.355.945		1.721.639.777	

4.4.2. Phải thu dài hạn khác

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Giá trị VND	Dự phòng VND	Giá trị VND	Dự phòng VND
Ký cược, ký quỹ	1.493.933.004	-	1.391.487.039	-
Cộng	1.493.933.004	-	1.391.487.039	-

**CÔNG TY CỔ PHẦN LẮP MÁY – THÍ NGHIỆM CƠ ĐIỆN
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)**

4.5. Nợ xấu

	Số cuối năm			Số đầu năm		
	Thời gian quá hạn	Giá gốc	Dự phòng	Thời gian VND	Giá gốc	Dự phòng
		VND	VND		VND	VND
Tổng giá trị các khoản phải thu, quá hạn thanh toán nhưng khó có khả năng thu hồi.						
Công ty CP Đá Tráng Yên Bình	Trên 3 năm	1.152.900.680	(1.152.900.680)	Trên 3 năm	1.152.900.680	(1.152.900.680)
Công ty CP LILAMA 5	Trên 3 năm	830.471.847	(830.471.847)	Trên 3 năm	830.471.847	(830.471.847)
Công ty CP LILAMA 45-3	Trên 3 năm	360.932.000	(360.932.000)	Trên 3 năm	360.932.000	(360.932.000)
Công ty TNHH Xuân Hiếu	Trên 3 năm	324.419.200	(324.419.200)	Trên 3 năm	324.419.200	(324.419.200)
Công ty CP Thi Công Cơ Giới Và Lắp Máy Dầu Khí	Trên 3 năm	201.157.000	(201.157.000)	Trên 3 năm	201.157.000	(201.157.000)
Công ty CP LILAMA 69-1	Trên 3 năm	69.350.557	(69.350.557)	Trên 3 năm	69.350.557	(69.350.557)
Các đối tượng khác	Trên 3 năm	719.107.138	(719.107.138)	Trên 3 năm	719.107.138	(719.107.138)
	-	3.658.338.422	(3.658.338.422)	-	3.658.338.422	(3.658.338.422)
Dự phòng phải thu khó đòi là các bên liên quan (chỉ tiết Thuyết minh số 7.4)						
		1.340.808.288	(1.340.808.288)		1.340.808.288	(1.340.808.288)

4.6. Hàng tồn kho

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Giá trị VND	Dự phòng VND	Giá trị VND	Dự phòng VND
Nguyên vật liệu	97.611.820	-	97.611.820	-
Công cụ dụng cụ	28.722.272	-	76.877.272	-
Chi phí SXKD dở dang	21.900.537.672	-	39.142.625.008	-
	22.026.871.764	-	39.317.114.100	-

4.7. Tình hình tăng giảm tài sản cố định hữu hình

	Nhà cửa, vật kiến trúc VND	Máy móc, thiết bị VND	Phương tiện vận tải VND	Thiết bị, dụng cụ quản lý VND	Tài sản cố định khác VND	Tổng VND
NGUỒN GIÁ						
Số đầu năm	4.508.916.170	37.431.158.228	2.460.894.407	160.417.664	1.169.800.000	45.731.186.469
Tăng trong năm	-	-	-	-	-	-
Giảm trong năm	-	-	-	-	(269.500.000)	(269.500.000)
- <i>Thanh lý, nhượng bán</i>					(269.500.000)	(269.500.000)
Số cuối năm	4.508.916.170	37.431.158.228	2.460.894.407	160.417.664	900.300.000	45.461.686.469
GIÁ TRỊ HAO MÒN LŨY KẾ						
Số đầu năm	3.806.922.310	35.882.841.682	2.460.894.407	160.417.664	963.916.380	43.274.992.443
Tăng trong năm	230.816.556	632.025.071	-	-	70.000.008	932.841.635
- <i>Khấu hao trong năm</i>	230.816.556	632.025.071	-	-	70.000.008	932.841.635
Giảm trong năm	-	-	-	-	(269.500.000)	(269.500.000)
- <i>Thanh lý, nhượng bán</i>					(269.500.000)	(269.500.000)
Số cuối năm	4.037.738.866	36.514.866.753	2.460.894.407	160.417.664	764.416.388	43.938.334.078
GIÁ TRỊ CÒN LẠI						
- Tại ngày đầu năm	701.993.860	1.548.316.546	-	-	205.883.620	2.456.194.026
- Tại ngày cuối năm	471.177.304	916.291.475	-	-	135.883.612	1.523.352.391

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng tại 31/12/2025 là 37.390.574.120 VND (tại 31/12/2024 là 37.005.074.120 VND)

Giá trị còn lại cuối kỳ của TSCĐ hữu hình dùng để thế chấp, cầm cố đảm bảo khoản vay tại 31/12/2025 là 471.177.304 VND (tại 31/12/2024 là 701.993.860 VND)

4.8. Tình hình tăng giảm tài sản cố định vô hình

	Quyền sử dụng đất VND	Tổng VND
NGUYÊN GIÁ		
Số đầu năm	16.267.626.377	16.267.626.377
Tăng trong năm	-	-
Giảm trong năm	-	-
Số cuối năm	16.267.626.377	16.267.626.377
GIÁ TRỊ HAO MÒN LŨY KẾ		
Số đầu năm	-	-
Tăng trong năm	-	-
Giảm trong năm	-	-
Số cuối năm	-	-
GIÁ TRỊ CÒN LẠI		
- Tại ngày đầu năm	16.267.626.377	16.267.626.377
- Tại ngày cuối năm	16.267.626.377	16.267.626.377

Tài sản cố định vô hình của Công ty là quyền sử dụng đất có giá trị là 16.267.626.377 VND tại số 434 và số 436 Nguyễn Trãi, phường Trung Văn, quận Nam Từ Liêm, thành phố Hà Nội theo Hợp đồng mua bán nhà và chuyển quyền sử dụng đất ngày 31/12/2007 với tổng diện tích 341,2 m². Theo đó, toàn bộ là quyền sử dụng đất không xác định thời hạn nên Công ty không thực hiện trích khấu hao đối với tài sản cố định vô hình nêu trên. Trong đó, Quyền sử dụng đất tại số đường 434-436 Nguyễn Trãi, phường Trung Văn, quận Nam Từ Liêm, Thành phố Hà Nội có tổng diện tích 341,2 m² đã được sử dụng làm tài sản thế chấp ngắn hạn tại Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn – Chi nhánh Trảng An. (Xem thuyết minh số 4.16)

4.9. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Giá gốc VND	Giá trị ghi sổ VND	Giá gốc VND	Giá trị ghi sổ VND
Dài hạn	500.000.000	500.000.000	500.000.000	500.000.000
Trái phiếu (i)	500.000.000	500.000.000	500.000.000	500.000.000
	500.000.000	500.000.000	500.000.000	500.000.000

(i) Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn là khoản đầu tư Trái phiếu của Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn với giá gốc là 500.000.000 VND, lãi suất thả nổi, ngày đáo hạn là ngày 24/12/2027.

4.10. Chi phí trả trước dài hạn

	Số cuối năm VND	Số đầu năm VND
Chi phí công cụ dụng cụ xuất dùng	47.690.019	88.004.994
	47.690.019	88.004.994

4.11. Phải trả người bán ngắn hạn

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Giá trị	Số có khả năng	Giá trị	Số có khả năng
	VND	trả nợ	VND	trả nợ
Công ty CP Nghiên cứu và Thí nghiệm điện	1.592.306.744	1.592.306.744	1.592.306.744	1.592.306.744
Công ty CP Kỹ thuật Sao Mai Việt Nam	1.558.441.800	1.558.441.800	1.558.441.800	1.558.441.800
Công ty CP LILAMA 3	1.240.824.354	1.240.824.354	1.240.824.354	1.240.824.354
Công ty CP Thí nghiệm điện Việt Nam	-	-	836.528.760	836.528.760
Các đối tượng khác	1.473.780.877	1.473.780.877	932.368.717	932.368.717
	5.865.353.775	5.865.353.775	6.160.470.375	6.160.470.375
Phải trả người bán ngắn hạn là các bên liên quan (chi tiết Thuyết minh số 7.4)	1.240.824.354	1.240.824.354	1.260.264.354	1.260.264.354

4.12. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	Số đầu năm		Phát sinh trong năm		Số cuối năm	
	Phải nộp	Phải thu	Số phải nộp	Số đã nộp	Phải nộp	Phải thu
	VND	VND	VND	VND	VND	VND
Thuế GTGT hàng bán nội địa	1.395.159.519	-	3.164.466.643	1.386.791.188	3.172.834.974	-
Thuế thu nhập doanh nghiệp	1.578.925.677	-	622.562.650	795.039.095	1.406.449.232	-
Thuế thu nhập cá nhân	223.929.348	-	189.265.822	217.264.620	195.930.550	-
Thuế nhà đất, thuế đất	-	-	4.012.512	4.012.512	-	-
Thuế môn bài	-	-	3.000.000	3.000.000	-	-
	3.198.014.544	-	3.983.307.627	2.406.107.415	4.775.214.756	-

Thuế giá trị gia tăng
Công ty nộp thuế giá trị gia tăng theo phương pháp khấu trừ. Thuế suất thuế giá trị gia tăng cho hàng hóa và dịch vụ là 10%.

Công ty được giảm 2% thuế suất thuế giá trị gia tăng trong năm 2025, áp dụng đối với các nhóm hàng hóa, dịch vụ đang áp dụng mức thuế suất thuế giá trị gia tăng 10% (còn 8%) theo Nghị định 180/2024/NĐ-CP ngày 31/12/2024 cho giai đoạn từ ngày 01/01/2025 đến hết ngày 30/6/2025 và Nghị định 174/2025/NĐ-CP ngày 30/6/2025 cho giai đoạn từ ngày 01/7/2025 đến hết ngày 31/12/2026.

Thuế thu nhập doanh nghiệp
Thu nhập từ các hoạt động khác phải nộp thuế thu nhập doanh nghiệp với thuế suất 20%.

Các loại thuế khác
Công ty kê khai và nộp theo quy định.

Các báo cáo thuế của Công ty sẽ chịu sự kiểm tra của cơ quan thuế. Do việc áp dụng luật và các quy định về thuế đối với các loại nghiệp vụ khác nhau có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau, số thuế được trình bày trên Báo cáo tài chính có thể sẽ bị thay đổi theo quyết định cuối cùng của cơ quan thuế.

4.13. Chi phí phải trả ngắn hạn

	Số cuối năm VND	Số đầu năm VND
Chi phí phải trả các công trình xây dựng	9.404.143.130	7.972.143.130
Chi phí lãi vay	1.385.622.744	898.261.128
	10.789.765.874	8.870.404.258

4.14. Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn

	Số cuối năm VND	Số đầu năm VND
Nhận trước tiền cho thuê tài sản	540.000.000	1.620.000.000
	540.000.000	1.620.000.000

4.15. Phải trả ngắn hạn khác

	Số cuối năm VND	Số đầu năm VND
Kinh phí công đoàn	-	38.506.928
Bảo hiểm xã hội	1.782.106.233	684.990.505
Bảo hiểm y tế	190.812.839	58.012.956
Bảo hiểm thất nghiệp	83.445.514	25.223.056
Cổ tức, lợi nhuận phải trả	1.858.939.362	1.858.939.362
Phải trả các đối công trình	25.510.382.916	21.068.611.469
Bà Đình Ngọc Kiều Anh - Tiền vay (i)	10.000.000.000	-
Bà Vũ Thị Thu Hoài - Tiền vay (i)	10.490.500.000	3.150.000.000
Ông Hoàng Văn Lít - Tiền vay (i)	500.000.000	500.000.000
Các khoản phải trả, phải nộp khác	485.974.892	484.974.801
	50.902.161.756	27.869.259.077

- (i) Các khoản vay cá nhân theo các hợp đồng nhằm mục đích bổ sung vốn lưu động phục vụ sản xuất kinh doanh, thanh toán nợ vay ngân hàng và chi thường xuyên khác, với lãi suất 1,1%/tháng, không có tài sản đảm bảo.

**CÔNG TY CỔ PHẦN LẤP MÁY – THÍ NGHIỆM CƠ ĐIỆN
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)**

4.16. Vay và nợ thuế tài chính ngắn hạn

	Số đầu năm		Trong năm		Số cuối năm	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Tăng	Giảm	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
	VND	VND	VND	VND	VND	VND
Vay ngắn hạn	42.420.231.641	42.420.231.641	-	42.367.875.741	52.355.900	52.355.900
Ngân hàng Nông nghiệp và phát triển Nông thôn - Chi nhánh Trảng An (i)	42.420.231.641	42.420.231.641	-	42.367.875.741	52.355.900	52.355.900
Vay và nợ thuế tài chính ngắn hạn	42.420.231.641	42.420.231.641	-	42.367.875.741	52.355.900	52.355.900

- (i) Hợp đồng tín dụng số 1305-LAV-202300358 ngày 11/7/2023 ký kết giữa Ngân hàng Nông Nghiệp và Phát triển Nông thôn – Chi nhánh Trảng An với Công ty Cổ phần Lấp máy – Thí nghiệm Cơ điện, với các điều kiện chi tiết sau:
- Hạn mức tín dụng: 60.000.000.000 VND;
 - Mục đích vay: Bổ sung vốn lưu động trong hoạt động sản xuất kinh doanh;
 - Thời hạn vay: Theo từng giấy nhận nợ cụ thể;
 - Lãi suất cho vay: Quy định trên từng giấy nhận nợ cụ thể;
 - Số dư khoản vay tại ngày 31/12/2025: 52.355.900 VND

Tài sản đảm bảo của Công ty, cụ thể như sau:

- Xe TOYOTA mang biển kiểm soát số: 30A-314.49
- Toàn bộ quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất tại địa chỉ: Số 434-436 đường Nguyễn Trãi, phường Trung Ván, thành phố Hà Nội Các thỏa thuận về biện pháp bảo đảm được ghi nhận và thực hiện theo các Hợp đồng đảm bảo được giao kết trước ngày, cùng ngày và sau ngày của Hợp đồng ngày của Hợp đồng này và khoản vay đã được đăng ký giao dịch đảm bảo đầy đủ.

**CÔNG TY CỔ PHẦN LẬP MÁY – THÍ NGHIỆM CƠ ĐIỆN
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)**

4.17. Vốn chủ sở hữu

4.17.1. Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu

	Vốn góp của chủ sở hữu VND	Vốn khác của chủ sở hữu VND	Cổ phiếu quỹ VND	Quỹ đầu tư phát triển VND	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối VND	Tổng VND
Số dư đầu năm trước	15.000.000.000	740.110.441	(544.500)	9.211.343.620	5.624.428.253	30.575.337.814
Tăng trong năm trước	-	-	-	28.403.392	86.534.241	114.937.633
- Phân phối lợi nhuận	-	-	-	28.403.392	-	28.403.392
- Lãi trong năm trước	-	-	-	-	86.534.241	86.534.241
Giảm trong năm trước	-	-	-	-	(143.887.350)	(143.887.350)
- Trích quỹ đầu tư phát triển	-	-	-	-	(28.403.392)	(28.403.392)
- Trích quỹ khen thưởng phúc lợi	-	-	-	-	(11.361.357)	(11.361.357)
- Giảm khác	-	-	-	-	(104.122.601)	(104.122.601)
Số dư cuối năm trước	15.000.000.000	740.110.441	(544.500)	9.239.747.012	5.567.075.144	30.546.388.097
Số dư đầu năm nay	15.000.000.000	740.110.441	(544.500)	9.239.747.012	5.567.075.144	30.546.388.097
Tăng trong năm	-	-	-	21.633.560	154.229.725	175.863.285
- Lãi trong năm	-	-	-	-	154.229.725	154.229.725
- Phân phối lợi nhuận (i)	-	-	-	21.633.560	-	21.633.560
Giảm trong năm	-	-	-	-	(37.760.532)	(37.760.532)
- Trích quỹ đầu tư phát triển (i)	-	-	-	-	(21.633.560)	(21.633.560)
- Trích quỹ khen thưởng phúc lợi (i)	-	-	-	-	(8.653.424)	(8.653.424)
- Giảm khác	-	-	-	-	(7.473.548)	(7.473.548)
Số dư cuối năm nay	15.000.000.000	740.110.441	(544.500)	9.261.380.572	5.683.544.337	30.684.490.850

4.17.1. Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu (tiếp theo)

(i) Theo Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2025 số 33/2025/NQ-ĐHĐCĐ ngày 26/6/2025, Công ty công bố phân phối lợi nhuận còn lại lũy kế đến cuối năm 2024 như sau:

- Trích quỹ đầu tư phát triển 25% Lợi nhuận sau thuế tương đương 21.633.560 VND.
- Trích quỹ khen thưởng 10% lợi nhuận sau thuế tương đương 8.653.424 VND.

4.17.2. Chi tiết vốn chủ sở hữu

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Vốn thực góp	Tỷ lệ	Vốn thực góp	Tỷ lệ
	VND	%	VND	%
Công ty Lắp máy Việt Nam - CTCP	5.427.500.000	36,18%	5.427.500.000	36,18%
Ông Vũ Anh Tuấn	3.501.730.000	23,34%	-	0,00%
Ông Phạm Văn Tuyền	-	0,00%	3.501.110.000	23,34%
Ông Vũ Hoàng Tùng	2.863.500.000	19,09%	2.863.500.000	19,09%
Bà Vũ Thị Thúy Giang	2.550.000.000	17,00%	2.550.000.000	17,00%
Cổ phiếu quỹ	550.000	0,01%	550.000	0,01%
Các cổ đông khác	656.720.000	4,38%	657.340.000	4,38%
	15.000.000.000	100,00%	15.000.000.000	100,00%

4.17.3. Các giao dịch về vốn với các chủ sở hữu và phân phối cổ tức, chia lợi nhuận

	Năm nay VND	Năm trước VND
Vốn đầu tư của chủ sở hữu		
Vốn góp tại ngày đầu năm	15.000.000.000	15.000.000.000
Vốn góp tăng trong năm	-	-
Vốn góp giảm trong năm	-	-
Vốn góp cuối năm	15.000.000.000	15.000.000.000

4.17.4. Cổ phiếu

	Số cuối năm Cổ phiếu	Số đầu năm Cổ phiếu
- Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	1.500.000	1.500.000
- Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng	1.500.000	1.500.000
+ Cổ phiếu phổ thông	1.500.000	1.500.000
- Số lượng cổ phiếu được mua, bán lại	55	55
+ Cổ phiếu phổ thông	55	55
- Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	1.499.945	1.499.945
+ Cổ phiếu phổ thông	1.499.945	1.499.945
Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành:	10.000	đồng/CP.

4.17.5. Phân phối lợi nhuận

	Năm nay VND	Năm trước VND
Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối đầu năm	5.567.075.144	5.624.428.253
Lợi nhuận từ hoạt động sản xuất kinh doanh trong năm	154.229.725	86.534.241
Lợi nhuận được chia cổ tức và phân phối các quỹ trong năm	5.721.304.869	5.710.962.494
Phân phối các quỹ và chia cổ tức, trong đó:	(37.760.532)	(143.887.350)
- Trích quỹ đầu tư phát triển	(21.633.560)	(28.403.392)
- Trích quỹ khen thưởng, phúc lợi	(8.653.424)	(11.361.357)
- Giảm khác	(7.473.548)	(104.122.601)
Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối cuối năm	<u>5.683.544.337</u>	<u>5.567.075.144</u>

4.18. Các khoản mục ngoài bảng cân đối kế toán

Ngoại tệ các loại

	Số cuối năm	Số đầu năm
Dollar Mỹ (USD)	74,34	87,54

5. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

5.1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ

	Năm nay VND	Năm trước VND
Doanh thu hoạt động cho thuê tài sản	1.080.000.000	1.107.272.727
Doanh thu hoạt động xây lắp	52.980.951.862	36.570.330.786
	<u>54.060.951.862</u>	<u>37.677.603.513</u>
Doanh thu phát sinh trong năm với các bên liên quan (chi tiết Thuyết minh số 7.4)	<u>36.273.214.340</u>	<u>33.028.858.326</u>

5.2. Giá vốn hàng bán

	Năm nay VND	Năm trước VND
Giá vốn hoạt động xây lắp	45.308.756.363	27.423.483.526
	<u>45.308.756.363</u>	<u>27.423.483.526</u>

5.3. Doanh thu hoạt động tài chính

	Năm nay VND	Năm trước VND
Lãi tiền gửi, tiền cho vay	31.831.475	32.721.163
Chênh lệch tỷ giá	125.388	145.467
	<u>31.956.863</u>	<u>32.866.630</u>

5.4. Chi phí tài chính

	Năm nay VND	Năm trước VND
Lãi tiền vay	3.260.912.767	4.357.373.130
Chi phí tài chính khác	14.907	450.976
	3.260.927.674	4.357.824.106

5.5. Chi phí quản lý doanh nghiệp

	Năm nay VND	Năm trước VND
Chi phí nhân viên quản lý	4.035.661.643	4.183.638.848
Chi phí vật liệu quản lý	39.308.851	68.656.146
Chi phí công cụ, dụng cụ, đồ dùng	56.930.886	19.768.484
Chi phí khấu hao tài sản cố định	230.816.556	201.453.941
Thuế, phí và lệ phí	7.012.512	7.012.512
Chi phí dịch vụ mua ngoài	905.022.381	583.678.589
Chi phí khác bằng tiền	593.409.916	887.132.938
	5.868.162.745	5.951.341.458

5.6. Thu nhập khác

	Năm nay VND	Năm trước VND
Thu nhập từ thanh lý tài sản cố định	87.800.000	-
Thu nhập khác	1.248.597.739	1.328.521.164
	1.336.397.739	1.328.521.164

5.7. Chi phí khác

	Năm nay VND	Năm trước VND
Chi phạt vi phạm hành chính, chậm nộp	169.357.345	335.256.755
Chi phí khác	52.783.510	96.985.674
	222.140.855	432.242.429

5.8. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành

	Năm nay VND	Năm trước VND
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp tính trên thu nhập chịu thuế năm hiện hành (i)	615.089.102	787.565.547
Tổng chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	615.089.102	787.565.547

5.9. Lãi cơ bản, suy giảm trên cổ phiếu

	Năm nay	Năm trước
a) Lãi cơ bản trên cổ phiếu		
Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp (VND)	154,229,725	86,534,241
Các khoản điều chỉnh tăng/giảm lợi nhuận kế toán để xác định lợi nhuận phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông (i)	(15,422,973)	(8,653,424)
Lợi nhuận phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông (VND)	138,806,753	77,880,817
Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành bình quân trong năm (cổ phiếu)	1,499,945	1,499,945
Lãi cơ bản trên cổ phiếu (VND/ Cổ phiếu)	93	52
b) Lãi suy giảm trên cổ phiếu		
Số lượng cổ phiếu dự kiến phát hành thêm (cổ phiếu)	-	-
Lãi suy giảm trên cổ phiếu (VND/Cổ phiếu)	93	52

(i) Tại thời điểm lập Báo cáo tài chính, Công ty chưa tiến hành Đại hội đồng Cổ đông thường niên năm 2026 và thông qua mức trích lập Quỹ khen thưởng phúc lợi. Vì vậy, Ban Tổng Giám đốc Công ty tạm tính lãi cơ bản trên cổ phiếu dựa trên mức trích lập Quỹ khen thưởng phúc lợi là 10% lợi nhuận sau thuế năm 2025 theo Nghị quyết Đại hội đồng Cổ đông thường niên năm 2025 số 33/2025/NQ-ĐHĐCĐ ngày 26/6/2025 thông qua kế hoạch phân phối lợi nhuận năm 2024.

5.10. Chi phí sản xuất, kinh doanh theo yếu tố

	Năm nay VND	Năm trước VND
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	1.926.429.724	8.024.732.025
Chi phí nhân công	25.836.368.657	20.593.050.839
Chi phí khấu hao tài sản cố định	932.841.635	486.193.639
Chi phí dịch vụ mua ngoài	3.422.535.453	4.262.002.851
Chi phí khác bằng tiền	1.816.656.303	3.923.962.293
	33.934.831.772	37.289.941.647

6. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ

6.1. Số tiền đã thực trả gốc vay trong năm

	Năm nay VND	Năm trước VND
Tiền thu từ đi vay theo kế ước thông thường	24.233.500.000	30.404.749.479
	24.233.500.000	30.404.749.479

6.2. Số tiền thực trả gốc vay trong năm

	Năm nay VND	Năm trước VND
Tiền trả nợ gốc vay theo kế ước thông thường	49.329.985.741	42.911.881.474
	49.329.985.741	42.911.881.474

7. CÁC THÔNG TIN KHÁC

7.1. Nợ tiềm tàng

Không phát sinh bất kỳ khoản nợ tiềm tàng nào phát sinh từ những sự kiện đã xảy ra có thể ảnh hưởng đến các thông tin đã được trình bày trong Báo cáo tài chính mà Công ty không kiểm soát được hoặc chưa ghi nhận.

7.2. Tài sản cho thuê hoạt động

Công ty hiện đang cho thuê văn phòng theo Hợp đồng cho thuê hoạt động ký kết với Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam – Chi nhánh Tây Hà Nội tại Tầng 1 tòa nhà số 436, đường Nguyễn Trãi, phường Trung Văn, quận Nam Từ Liêm, thành phố Hà Nội với diện tích cho thuê là 202 m². Thời hạn cho thuê là 5 năm kể từ ngày 01/7/2024.

7.3. Những sự kiện phát sinh sau ngày kết thúc năm tài chính

Ban Tổng Giám đốc Công ty khẳng định rằng, theo nhận định của Ban Tổng Giám đốc, xét trên những khía cạnh trọng yếu, không có sự kiện bất thường nào xảy ra sau ngày kết thúc năm tài chính làm ảnh hưởng đến tình hình tài chính và hoạt động của Công ty cần thiết phải điều chỉnh hoặc trình bày trên Báo cáo tài chính này.

7.4. Giao dịch và số dư với các bên liên quan

Các bên liên quan với Công ty bao gồm: các thành viên quản lý chủ chốt, các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt và các bên liên quan khác.

7.4.1. Giao dịch và số dư với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt.

Các thành viên quản lý chủ chốt gồm: các thành viên Hội đồng Quản trị, Ban Kiểm soát và các thành viên Ban điều hành (Ban Tổng Giám đốc, kế toán trưởng). Các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt là các thành viên mật thiết trong gia đình các thành viên quản lý chủ chốt.

Thu nhập của các thành viên quản lý chủ chốt:

Thu nhập Hội đồng Quản trị, Ban Kiểm soát và Ban Điều hành được hưởng trong năm như sau:

	Chức danh	Năm nay VND	Năm trước VND
Hội đồng Quản trị			
Ông Nguyễn Thành Đại	Chủ tịch	206.900.000	202.294.000
Ông Phạm Văn Tuyền	Chủ tịch	24.700.000	145.424.000
Ông Vũ Anh Tuấn	Thành viên HĐQT	55.000.000	198.699.000
Lê Văn Định	Thành viên HĐQT	-	265.999.273
Ban Kiểm soát			
Ông Lê Tuấn Anh	Trưởng ban	204.000.000	188.999.000
Bà Trần Thị Điệp	Thành viên	-	18.000.000
Bà Lê Thúy Hồng	Thành viên	36.000.000	36.000.000
Ông Bùi Văn Giang	Thành viên	36.000.000	91.245.418
Ban Điều hành			
Ông Vũ Hoàng Tùng	Thành viên HĐQT Tổng Giám đốc	280.000.000	266.533.000
Ông Nguyễn Sỹ Thành	Phó Tổng Giám đốc	204.000.000	235.294.000
Ông Trần Thành Diễm	Phó Tổng Giám đốc	170.000.000	-
		1.216.600.000	1.648.487.691

Giao dịch với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt.

Công ty không phát sinh giao dịch về bán hàng và cung cấp dịch vụ cho các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt.

Số dư với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt.

Tại ngày kết thúc năm tài chính Công ty không có số dư với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt.

7.4.2. Giao dịch và số dư với các bên liên quan khác

Các bên liên quan khác với Công ty bao gồm: các công ty con, các công ty liên kết, cơ sở kinh doanh đồng kiểm soát, các cá nhân có quyền trực tiếp hoặc gián tiếp biểu quyết ở Công ty và các thành viên mật thiết trong gia đình của họ, các doanh nghiệp do các nhân viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có quyền trực tiếp hoặc gián tiếp biểu quyết của Công ty và các thành viên mật thiết trong gia đình của họ.

Danh sách bên liên quan khác

Bên liên quan khác	Địa điểm	Mối quan hệ
Tổng Công ty Lắp máy Việt Nam - CTCP (LILAMA)	Thành phố Hà Nội	Cổ đông lớn
Công ty CP LILAMA 5	Thanh Hóa	Công ty con của LILAMA
Công ty CP LILAMA 7	Đà Nẵng	Công ty con của LILAMA
Công ty CP LILAMA 10	Thành phố Hà Nội	Công ty con của LILAMA
Công ty CP LILAMA 69-1	Bắc Ninh	Công ty liên kết của LILAMA
Công ty CP LILAMA 45-4	Đồng Nai	Công ty liên kết của LILAMA
Công ty CP LILAMA 18	Thành phố Hồ Chí Minh	Công ty liên kết của LILAMA
Công ty CP LILAMA 45-3	Quảng Ngãi	Công ty liên kết của LILAMA
Công ty CP LILAMA 18-1	Thành phố Hồ Chí Minh	Công ty liên kết của LILAMA

Giao dịch với các bên liên quan khác

Trong năm tài chính này có phát sinh nghiệp vụ chủ yếu với các công ty có liên quan như sau:

Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	Nội dung giao dịch	Năm nay VND	Năm trước VND
Tổng Công ty Lắp máy Việt Nam - CTCP	Doanh thu xây lắp	36.060.371.366	28.354.082.864
Công ty CP LILAMA 18	Doanh thu xây lắp	93.672.974	4.389.295.062
Công ty CP LILAMA 10	Doanh thu xây lắp	52.570.000	30.190.000
Công ty Cổ phần LILAMA 18-1	Doanh thu xây lắp	66.600.000	255.290.400
		36.273.214.340	33.028.858.326

Số dư các khoản phải thu/phải trả với các bên liên quan khác

Phải thu ngắn hạn của khách hàng	Số cuối năm VND	Số đầu năm VND
Tổng công ty lắp máy Việt Nam - CTCP	15.559.349.415	10.522.789.822
Công ty CP LILAMA 69-1	4.730.041.295	4.730.041.295
Công ty CP LILAMA 5	830.472.447	830.472.447
Công ty CP LILAMA 7	646.397.657	646.397.657
Công ty CP LILAMA 45-3	360.932.000	360.932.000
Công ty CP LILAMA 18	494.245.279	569.058.015
Công ty CP LILAMA 45-4	73.336.300	73.336.300
Công ty CP LILAMA 18.1	21.600.000	56.908.080
	22.716.374.393	17.789.935.616

Phải thu ngắn hạn khác	Số cuối năm VND	Số đầu năm VND
Ông Vũ Anh Tuấn	1.648.173	1.648.173
Ông Chu Tất Thắng	1.070.202.826	1.070.202.826
Ông Trần Thọ Hiếu	100.716.168	-
Ông Trần Trung Hiếu	649.788.778	649.788.778
	1.822.355.945	1.721.639.777

Nợ xấu	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Giá trị VND	Dự phòng VND	Giá trị VND	Dự phòng VND
Công ty CP LILAMA 5	830.471.847	(830.471.847)	830.471.847	(830.471.847)
Công ty CP LILAMA 45-3	360.932.000	(360.932.000)	360.932.000	(360.932.000)
Công ty CP LILAMA 69-1	69.350.557	(69.350.557)	69.350.557	(69.350.557)
Công ty CP LILAMA 7	80.053.884	(80.053.884)	80.053.884	(80.053.884)
	1.340.808.288	(1.340.808.288)	1.340.808.288	(1.340.808.288)

Phải trả người bán ngắn hạn	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Giá trị VND	Số có khả năng trả nợ VND	Giá trị VND	Số có khả năng trả nợ VND
Công ty CP LILAMA 3	1.240.824.354	1.240.824.354	1.240.824.354	1.240.824.354
Tổng Công ty Lắp máy Việt Nam - CTCP	-	-	19.440.000	19.440.000
	1.240.824.354	1.240.824.354	1.260.264.354	1.260.264.354

7.5. Thông tin về bộ phận

Công ty không lập báo cáo bộ phận vì không thỏa mãn 1 trong 3 điều kiện phải lập báo cáo bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh hay khu vực địa lý được quy định tại Thông tư 20/2006/TT-BTC ngày 20/3/2006 của Bộ Tài chính v/v hướng dẫn thực hiện sáu (06) chuẩn mực kế toán ban hành theo Quyết định số 12/2005/QĐ-BTC ngày 15/02/2005 của Bộ trưởng Bộ Tài chính.

7.6. Thông tin so sánh

Số liệu so sánh là số liệu của Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31/12/2024 của Công ty Cổ phần Lắp máy – Thí nghiệm cơ điện đã được kiểm toán bởi Công ty TNHH Kiểm toán và Định giá Quốc tế.



Người lập biểu
Lê Thị Chi



Phụ trách kế toán
Lê Thị Chi



Tổng Giám đốc
Vũ Hoàng Tùng
Hà Nội, Việt Nam
Ngày 23 tháng 3 năm 2026

